

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 17/2021/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022
và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy
hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-HĐND-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2021
của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:**Điều 1.**

1. Thông qua danh mục 653 dự án cần thu hồi đất năm 2022 với tổng diện tích 19.487,9 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Hủy 70 danh mục các dự án cần thu hồi đất với tổng diện tích 932,48 ha đã quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(có Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2021, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN và MT, Bộ TP (Cục kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phan*



Huỳnh Thị Hằng

Phụ lục 01- DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
A	Huyện Chơn Thành	6.487,37								
I	Các danh mục chuyển tiếp	6.111,15								
1	Đất TMDV dân cư Becamex	2.208,27	CLN	Minh Thành, Thành Tâm, Nha Bích, thị trấn Chơn Thành	1.908.875			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
2	Khu công nghiệp và dân cư Becamex	2.425,00	CLN	Minh Thành, TT. Chơn Thành	2.138.782			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
3	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	458,47	CLN	Minh Thành, Minh Thắng, Minh Lập, Nha Bích	320.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
4	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex	40,00	CLN	Nha Bích, Minh Thành	40.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
5	Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (4 mạch)	0,80	CLN	Nha Bích, Minh Thành	112.033			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
6	Mở rộng TTHC huyện Chơn Thành	22,05	ODT, CLN, DGT, SON	TT. Chơn Thành	14.567		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Trạm 110kV Becamex và đường dây đầu nối tỉnh Bình Phước	0,35	CLN	Minh Thành, thị trấn Chơn Thành	140			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
8	Công trình đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành	0,61	CLN	Minh Thành	24			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
9	Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	6,96	ONT, CLN, DGT	Minh Hưng, Minh Long	22.040	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
10	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	3,50	ONT, CLN, DGT	Minh Lập					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
11	Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (2 mạch)	0,44	CLN	Minh Thành, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Lập	176			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
12	Đường dây 110kV Trạm 220kV Bến Cát - Trạm 220kV Chơn Thành	0,56	CLN	Thành Tâm và thị trấn Chơn Thành	252			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
13	Trạm 110kV Nha Bích và nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV	0,54	CLN	Nha Bích	216			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
14	Xây dựng vùng lõi căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật trong khu vực phòng thủ huyện Chơn Thành	25,05	CLN	Minh Lập					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
15	Đường N9 nối dài đến đường số 7 (đường N3 quy hoạch)	19,84	ODT + CLN	TT. Chơn Thành	14.512			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
16	Khách sạn và khu dân cư văn phòng Tỉnh ủy	20,00	CLN	Minh Hưng	10.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
17	Mở rộng Khu công nghiệp Minh Hưng III	577,53	CLN	Minh Hưng	231.012			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
18	Nối tiếp hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	4,16	CLN	Minh Hưng	1.664			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
19	Thu hồi bổ sung lòng hồ Phước Hòa	15,00	CLN	Minh Lập, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Thành	5.250	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
20	Trạm biến áp 500KV	20,07	CLN	Minh Thành	8.028			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
21	Móng trụ đường dây 500KV đầu nối	0,09	CLN	Minh Thành	34			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
22	Móng trụ đường dây 220KV đầu nối	1,11	CLN	Minh Thành, Nha Bích, Minh Hưng, Thành Tâm, thị trấn Chơn Thành	444			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
23	Đường Đồng Hưu - Bàu Nàm	12,08	ONT, CLN, NTS, DTL, DGT	Minh Thành	13.190	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
24	Xây dựng các tuyến đường xuyên tâm để kết nối hình thành các phường của huyện Chơn Thành	11,60	CLN	TT. Chơn Thành	13.954		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
25	Nâng cấp MR QL 14 và ĐT.751 đoạn qua Đồng Xoài - Chơn Thành	92,80	CLN, ONT, ODT	Minh Lập, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Thành, thị trấn Chơn Thành	450.000	450.000			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
26	Dự án Xây dựng đường phía Tây QL 13 kết nối Bàu Bàng	44,00	CLN, DGT, ONT, TSN, DTL	Minh Long, Thành Tâm	22.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
27	Đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành	18,00	CLN, DGT, ONT, TSN, DTL	Minh Hưng, Minh Thành	50.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
28	Dự án GPMB cao tốc Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	64,00	CLN, DGT, ONT, ODT, TSN, DTL	Thành Tâm, TT Chơn Thành	64.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021)	
29	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB)	6,00	CLN, DGT, ONT	Minh Long	7.000	x		4.000	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
30	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và Khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	12,27	DGD, CLN, ODT, TMD, RSX, SON, DGT	Minh Thành	17.400	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
II	Các danh mục đăng ký mới	376,22								
1	Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành	0,50	CLN, ONT	Huyện Chơn Thành	700			x	Công văn số 182/UBND-TH ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh	
2	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản	72,45	ONT, CLN, DGT, SON	Minh Lập, Quang Minh	108.675	x			Công văn số 806/BQLDA-TCKT ngày 27/8/2021	
3	Xây dựng đường TTHC xã Thành Tâm nối dài	12,32	ONT, CLN, DGT, SON	Thành Tâm	3.000	x			Công văn số 806/BQLDA-TCKT ngày 27/8/2021	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Xây dựng mương thoát mưư và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	5,00	ONT, CLN, DGT, LUA	Minh Hưng	8.000	x			Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 23/04/2021	
5	Xây dựng mương thoát mưư và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng	6,00	ONT, CLN, DGT, LUA	Minh Hưng	5.000	x			Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 23/04/2021	
6	Trung tâm Giáo dục sáng tạo tỉnh	200,00	CLN	Minh Thắng	200.000	x			Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
7	Đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	9,60	ONT, CLN, DGT	Nha Bích, Minh Thắng	8.000	x			Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND huyện	
8	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ Quốc lộ 14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	9,75	ODT, CLN, DGT	TT Chơn Thành	6.000	x			Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND huyện	
9	Mở rộng đường trục chính CCN và KCN công nghệ cao Nha Bích	9,60	ODT, ONT, CLN, BHK, LUK, DGT, SON	Nha Bích	8.000	x			Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND huyện	
10	Xây dựng đường Liên khu 4 - khu phố 5	10,00	ODT, CLN	TT. Chơn Thành	9.000	x			Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Xây dựng đường Ngô Gia Tự nối dài đến đường Lạc Long Quân	2,00	ODT, CLN	TT. Chơn Thành	1.000		x		Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	
12	Xây dựng vòng xoay ngã tư Chơn Thành	1,00	ODT, CLN	TT. Chơn Thành	55		x		Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	
13	Xây dựng đường kết nối từ đường Lê Duẩn đến đường Ngô Tất Tố	1,50	ODT, CLN	TT. Chơn Thành	1.153		x		Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	
14	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 239 (đường Trừ Văn Thố)	10,00	ODT, CLN	TT. Chơn Thành	7.748		x		Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	
15	Xây dựng đường dân cư Lâm sản 7	1,00	ODT, CLN	TT. Chơn Thành	500		x		Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	
16	Xây dựng đường Huỳnh Văn Bánh	3,50	ODT, CLN	TT. Chơn Thành	1.000		x		Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	
17	Khu dân cư, đô thị, dịch vụ và thương mại Minh Lập	17,00				x			Công văn số 1838/UBND-TH ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh	Thuộc đất Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
18	Xây dựng đường tổ 9, ấp 3	5,00	ODT, CLN	TT. Chon Thành	1.300		x		Nghị quyết số 88/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện	
B	Thị xã Phước Long	725,76								
I	Các danh mục chuyển tiếp	207,13								
1	Cụm công nghiệp Long Giang	50,00	CLN	Long Giang	55.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
2	Cụm công nghiệp Phước Bình	50,00	CLN, SKC, ODT	Phường Phước Bình	55.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Vùng lõi Căn cứ hậu cần - kỹ thuật	30,10	CLN	Phước Tín	33.110	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
4	Đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	11,82	CLN, ODT, ONT	Phường Long Phước, Sơn Giang, Long Giang	12.500	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
5	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	0,96	CLN, ONT	Long Giang	8.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	7,00	CLN, ODT	Phường Long Phước	10.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
7	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	11,00	CLN, ODT	Phường Phước Bình	10.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
8	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	6,00	CLN, ODT, ONT	Phường Phước Bình, Long Thủy, Thác Mơ, Sơn Giang, Long Giang, Phước Tín	18.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021	
9	Nâng cấp ĐT.741 đoạn từ cầu Thác Mè đến Quốc lộ 14C, tỉnh Bình Phước	8,55	CLN, ODT	Phường Thác Mơ	2.200	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
10	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Nhon Hòa 1, xã Long Giang	5,80	CLN	Long Giang	6.380		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	GPMB, xây dựng hàng rào khu di tích Cây Khế - Bà Định và phục dựng khu di tích nhà tù Bà Rá	4,45	CLN	Long Giang, phường Sơn Giang	8.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
12	Xây dựng đường vành đai 1 từ Long Điền - Long Phước, Long Giang qua Long Thủy (Phía bắc ĐT 741)	11,60	ONT, CLN	Long Giang, phường Long Phước, phường Sơn Giang, phường Long	43.410		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
13	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	0,40	CLN	Phường Long Phước, Long Giang	440		x		Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh	
14	Xây dựng đường Bù Xiết nối dài	0,50	CLN	Long Giang	550		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
15	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	0,40	CLN	Phường Long Thủy	440		x		Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh	
16	Chốt kiểm lâm Bà Rá	0,05	CLN	Phường Thác Mơ	1.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
17	Khu dân cư Phước Tín	8,50	ONT, CLN	Phước Tín	9.350			x	Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND thị xã Phước Long	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
II	Các danh mục đăng ký mới	518,63								
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chở qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	6,00	CLN, ODT	Phường Thác Mơ	2.000	x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021; NQ số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
2	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thụ	0,24	CLN	Phường Phước Bình	264		x		Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/07/2021 của HĐND thị xã	
3	Nâng cấp mặt đường và xây dựng HTTN đường từ Nghĩa trang liệt sỹ đến cầu số 4 Sơn Long	0,16	CLN	Phường Sơn Giang	176		x		Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/07/2021 của HĐND thị xã	
4	Xây dựng 03 phòng học, 02 phòng chức năng, 01 phòng đa chức năng và 02 phòng hiệu bộ trường Tiểu học Phước Tín A	0,07	CLN	Phước Tín	77		x		Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/07/2021 của HĐND thị xã	
5	Đất rừng đặc dụng chuyển về địa phương	90,00	RDD	Phường Sơn Giang; Phường Thác Mơ					Công văn số 846/UBND-KT ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh	
6	Đất năng lượng thủy điện Thác Mơ chuyển về địa phương	422,16	DNL	Phường Thác Mơ					Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
C	Huyện Hớn Quản	1.955,96								
I	Các danh mục chuyển tiếp	1.874,16								
1	Nhà máy điện mặt trời GRANDSOLAR	60,00	CLN	An Khương	90.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương	6,50	LUC	An Khương	1.700		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
3	Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước (tên cũ là dự án Cụm công trình thủy lợi các huyện biên giới tỉnh Bình Phước)	15,00	CLN, SON, ONT, DGT, LUK, HNK	An Khương	15.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
4	Mỏ đá vôi Thanh Lương (198,06ha trên 2 xã An Phú, Minh Tâm)	198,06	CLN	An Phú, Minh Tâm	237.672	x		237.672	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
5	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư	163,80	CLN, ONT, DGT	An Phú, Đồng Nơ, Minh Đức, Minh Tâm, Tân	89.925	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
6	Nhà văn hóa, khu vui chơi giải trí xã An Phú	2,02	CLN	An Phú	1.616		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

BÌNH PHƯỚC

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	5,60	CLN	An Phú	4.480	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
8	Mở rộng nghĩa địa ấp 3	1,00	CLN	Đồng Nơ	800		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
9	Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,61	CLN, DGT, ONT, SON	Đồng Nơ, Tân Hiệp, Tân Lợi, Minh Tâm, Tân Quan, Phước An, An Phú	1.500	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
10	Nâng cấp, mở rộng đường từ Khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, huyện Hớn Quản	6,00	CLN, ONT	Đồng Nơ, Minh Đức	10.480	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
11	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	4,00	CLN, ONT	Đồng Nơ, Tân Khai, Phước An, Minh Đức	6.700	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
12	Xin giao về địa phương quản lý	10,07	CLN	Minh Đức	8.056		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	Đất BQLKKT

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Nhà máy điện mặt trời Minh Tâm 1,2,3	360,00	CLN	Minh Tâm	540.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
14	Thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long để bổ sung quy hoạch các Cụm Công nghiệp giai đoạn 2021-2030 (Cụm CN Phước An, Cụm CN Tân Hưng, Cụm CN Minh Tâm, Cụm CN Thanh An) (quy mô 75ha/cụm CN)	300,00	CLN	Minh Tâm, Phước An, Tân Hưng, Thanh An	270.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
15	Xây dựng chợ, khu trung tâm văn hóa xã Minh Tâm	2,00	CLN	Minh Tâm	1.800		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
16	Trường Tiểu học Phước An B	0,54	CLN	Phước An	432		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
17	Trạm 220KV Bình Long 2-Trạm 110KV Bình Long	0,32	CLN	Phước An, Tân Khai, Tân Lợi	256			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
18	Vùng lõi căn cứ hậu cần kỹ thuật thị xã Bình Long	25,53	CLN	Phước An	3.190		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
19	Đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan	16,00	CLN, ONT, ODT	Phước An, Tân Khai, Tân Quan	65.713		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
20	Trạm biến áp 110KV Tân Hưng và đường dây 110KV nhánh rẽ đầu nối Trạm biến áp 110KV Tân Hưng	0,24	CLN	Phước An, Tân Khai, Tân Quan	288			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
21	Quy hoạch chợ	1,69	CLN	Tân Hiệp	5.070		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
22	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB)	7,70	CLN, DGT, ONT, DTL	Tân Hiệp	7.000	3.000		4.000	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
23	Trường Tiểu học Tân Hưng B	2,00	CLN	Tân Hưng	1.600		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
24	Đường điện tổ trung, hạ thế	1,70	CLN	Tân Hưng	1.360		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
25	Dự án thành phần 03, dự án LRAMP	0,13	CLN	Tân Hưng	156	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
26	Căn cứ hậu cần kỹ thuật BCHQS huyện Hớn Quản	30,00	CLN	Tân Hưng	24.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
27	Hỗ trợ phát triển biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	10,49	CLN, ONT, DGT	Tân Hưng, Tân Lợi, Thanh An	499	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
28	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	14,00	CLN, ONT	Tân Hưng	10.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
29	Khu dân cư Sóc Quả	4,50	CLN	Tân Hưng	4.050		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
30	Khu dân cư Tân Hưng 1	2,50	CLN	Tân Hưng	2.250		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
31	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan, huyện Hớn Quản	15,00	CLN, ONT, ODT	Tân Hưng, Tân Khai	2.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
32	Khu công nghiệp Tân Khai II	160,00	CLN	Tân Khai	128.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
33	Đường trục chính từ QL13 vào KCN Tân Khai II	2,70	CLN, ODT	Tân Khai	16.200	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
34	Đường Trục chính Bắc Nam nối dài (giai đoạn 1)	2,90	CLN	Tân Khai	17.400		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
35	Đường Trục chính Bắc Nam (giai đoạn 3), TTVH-TDTT huyện Hớn Quản và đường Đông Tây 9	11,70	CLN, ODT	Tân Khai	70.200		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
36	Đường Đông Tây 7 nối dài	0,03	CLN	Tân Khai	180		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
37	Cụm công nghiệp Lê Vy - Tân Khai	20,00	CLN	Tân Khai	120.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
38	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	3,58	CLN, DTL, NTS	Tân Khai	6.270	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
39	Nâng cấp đường vào cầu Huyện ủy và đường Khu phố 1, thị trấn Tân Khai	0,20	CLN	Tân Khai	300		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
40	Thu hồi đất giao UBND huyện quản lý để thực hiện quy hoạch, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng Khu dân cư	2,91	CLN	Tân Khai	436		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
41	Chỉnh trang đô thị	5,30	SKC	Tân Khai		x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
42	Mở rộng Trường THCS Tân Lợi	0,16	CLN	Tân Lợi	320		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
43	Xin giao về địa phương quản lý	13,41	CLN	Tân Lợi	10.728		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	Đất BQLKKT
44	Khu tái định cư thuộc TTHC xã Tân Lợi	1,62	CLN	Tân Lợi	2.430		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
45	Trường mầm non Trà Thanh	1,00	CLN	Thanh An	800		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
46	Xây dựng móng trụ đường dây Bình Long 2- Srok Phu Miêng	0,10	CLN	Thanh An	150			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
47	Đất phát triển công trình công cộng	241,95	CLN	Thanh Bình, Tân Khai	193.560			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	Đất của BQLKKT
48	Khu đô thị mới Nam An Lộc	91,00	CLN	Thanh Bình	72.800	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	Đất của BQLKKT
49	Cụm công nghiệp Thanh Bình	20,00	CLN	Thanh Bình	60.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
50	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Việt Kiều	1,60	CLN	Thanh Bình	10.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
51	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản.	27,00	CLN, ONT	Thanh Bình	20.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
II	Các danh mục đăng ký mới	81,80								
1	Khu sơ tán phòng thủ dân sự 1	25,00	CLN	Đồng Nơ	5.000		x		Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND tỉnh	
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Sikico mở rộng	4,87	CLN, SON, LUA, DGT	Đồng Nơ	6.563	x			Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh	
3	Mở rộng đường ĐT758 từ Bình Long đến Thuận Phú và kết nối QL14	25,92	ONT, CLN, DGT, DTL	Tân Hưng, Tân Lợi	20.000	x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
4	Khu dân cư phía Tây TTHC huyện Hớn Quản	7,00	CLN	Tân Khai	42.000		x		Công văn số 2339/UBND-KT ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh	
5	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng.	0,50	LUA	Tân Hưng	1.000	x			Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh	
6	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2,29	LUK	Tân Khai	2.300	x			Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan	0,12	LUK	Phước An, Tân Khai, Tân Quan	1.200		x		Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	
8	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài-Hớn Quản	16,10	ODT, ONT, CLN, DGT, SON	Tân Khai, Tân Quan	27.370	x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
D	Huyện Phú Riềng	1.230,39								
I	Các danh mục chuyển tiếp	1.193,21								
1	Đường ĐT.741 (mở rộng)	22,50	DGT, CLN, ONT	Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng	11.188,53	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Láng nhựa đường GTNT thôn Phước Hòa đi đường ĐT.741	0,20	CLN	Bình Tân			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Láng nhựa đường GTNT thôn Phước Hòa đi đường ĐT.741	0,42	CLN	Bình Tân			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Đường dây 110 KV trạm 110 KV Phước Long - Trạm 110KV Đồng Xoài	1,00	CLN	Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng, Long Tân	175,20	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Dự án Trạm biến áp 220KV Phước Long và đường dây đầu nối	4,27	CLN	Bù Nho	60.489,27	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Trạm 110 KV Đức Liễu và ĐD 110KV trạm 110KV Bù Đăng - 110 KV Đức Liễu	2,70	CLN	Phú Trung	172.808,9	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Trạm 110 Kv Phú Riềng và nhánh rẽ đầu nối trạm 110 KV Phú Riềng	6,04	CLN	Bù Nh, Long Tân	85.556,20	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Đường điện tổ 1 thôn Phú Tín	0,86	CLN	Phú Trung	150,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv phước Long (2 mạch)	0,93	CLN	Bù Nho, Phước Tân	600,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv Phước Long (4 mạch)	0,16	CLN	Bù Nho, Phước Tân	200,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
11	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hón Quán	19,00	DGT, CLN	Phước Tân, Bù Nho, Long Tân	9.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	7,00	CLN	Long Tân	5.000,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
13	Xây dựng Trường Mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	1,00	CLN	Long Hà	1.000,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
14	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	8,00	CLN, DGT	Long Bình Bình Thắng	4.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
15	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp xã Long Tân - Long Hà	7,00	CLN, DGT	Long Tân, Long Hà	4.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
16	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quẩn)	26,00	CLN; NTS DGT	Long Tân	5.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
17	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường N8 TTHC huyện Phú Riềng	1,70	CLN, DGT	Bù Nho	5.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
18	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D10a, D10b, D10c, D10d, D10e TTHC huyện Phú Riềng	0,90	CLN, DGT	Bù Nho	3.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
19	Đường Cầu Long Tân - Tân Hưng (còn một số hộ dân)	9,60	DGT; CLN	Long Tân	2.281,66		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
20	TTVH-TDĐT xã Long Bình (mới)	0,20	CLN	Long Bình			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
21	Đường điện trung thế tổ 2, thôn Phú An	0,80	CLN	Phú Trung	150,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
22	Đường điện trung thế Tổ 5, thôn Phú Tiến	1,20	CLN	Phú Trung	200,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
23	Nghĩa trang nhân dân xã Bình Tân	6,79	CLN	Bình Tân	816,40		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
24	Đất cần thu hồi Khu TTHC huyện	12,15	CLN; NTS ONT	Bù Nho	11.095,38		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
25	Mở rộng tuyến đường GTNT từ cầu Long Tân - Phú Riềng đi thôn 6 xã Long Tân	1,85	CLN	Long Tân	1.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
26	Tuyến đường Tân Phú, ven hồ Bàu Lách, đường Thôn Đồng Tháp, xã Phước Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.742 (Đối diện nhà ông Huệ)	13,20	CLN; NTS ONT	Bù Nho	60.000,00	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
27	Kè đá và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch Phú Riềng	83,30	CLN; NTS, MNC, ONT	Bù Nho	150.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
28	Khu đô thị TMDV Bù Nho (Khu dân cư Bù Nho)	92,40	CLN	Bù Nho			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
29	Khu đô thị TMDV Long Điền	29,80	CLN	Bình Sơn			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
30	Khu dân cư Nam Phú Riềng	19,15	CLN; NTS, DGT, ONT	Phú Riềng	165.681,60		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
31	Đất quy hoạch phát triển các khu đô thị	261,60	CLN	Phú Riềng			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
32	Nâng cấp đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	29,00	DGT, CLN	Phú Riềng, Phú Trung, Phước Tân	8.000,00		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
33	Cụm công nghiệp Phú Riềng	30,00	CLN	Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
34	Cụm công nghiệp Bù Nho	70,00	CLN	Bù Nho			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
35	Trạm 110 KV Phú Riềng và nhánh rẽ đầu nối trạm 110 KV Phú Riềng	2,74	CLN	Bù Nho, Long Tân	2.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
36	Bãi rác huyện	35,75	CLN	Bình Tân			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
37	Nâng cấp sửa chữa đường Bình Tân đi Phước Tân	0,79	CLN	Bù Nho			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
38	Nâng cấp sửa chữa đường Long Bình đi Bình Sơn	4,50	CLN	Bù Nho			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
39	Đường trục chính khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	2,90	CLN; NTS	Bù Nho	13.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
40	San lấp mặt bằng và xây dựng đường D9, D6, D5a Khu TĐC TTHC huyện	0,97	CLN	Bù Nho	4.100		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
41	Xây dựng đường Tân Phú 1, D6, D5a Khu TĐC TTHC huyện	0,12	CLN	Phước Tân	600		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
42	Xây dựng đường D6, D5a (nối tiếp khu TĐC) Khu TTHC huyện	1,10	CLN	Bù Nho	5.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
43	Xây dựng đường N4 (Đt741 - D7) Khu TTHC huyện	0,90	CLN	Phú Trung Phước Tân	3.900		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
44	Xây dựng đường gom Khu TTHC huyện	0,20	CLN	Long Tân	1.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
45	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D7, D6b, D6c Khu TTHC huyện	0,25	CLN	Bù Nho	1.300		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
46	Xây dựng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Tân Phú 1 Khu TTHC huyện	1,00	CLN	Bù Nho	4.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
47	Xây dựng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (N6-N7), N6 (Đt741-D5c, D6-D9), D3e Khu TTHC huyện	0,30	CLN	Bù Nho	1.500		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
48	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân	0,50	CLN	Bù Nho	2.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021 của HĐND tỉnh	
49	Xây dựng Công viên - Quảng trường trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	6,83	CLN	Bù Nho	10.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021 của HĐND tỉnh	
50	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH.312 với đường ĐT.759	27,00	CLN	Phú Trung Phước Tân	12.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021 của HĐND tỉnh	
51	Sân bay quân sự	300,00	CLN	Bình Tân			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021 của HĐND tỉnh	
52	Vùng lõi căn cứ Hậu cần kỹ thuật	30,00	CLN	Long Tân	2.800		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021 của HĐND tỉnh	
53	Nhà văn hóa thôn Phước Tân	0,04	CLN	Bình Tân			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
54	Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	5,65	CLN, DGT, ONT, SON	Bình Tân, Long Hà, Long Tân, Long Hà, Phú Riềng, Bình Sơn	2.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
55	Nhà văn hóa thôn Bình Hiếu	0,05	TIN	Bình Tân			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
56	Đường liên thôn Phước Hòa qua thôn Phước Tân	0,90	CLN	Bình Tân			không bồi thường về đất		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/07/20201 của HĐND tỉnh	
II	Các danh mục đăng ký mới	37,18								
1	Đường QH số 42	0,31	CLN	Bù Nho	không bồi thường về đất				Kế hoạch 48/KH-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Phú Riềng	Chương trình NTM, nhà nước và nhân dân cùng làm
2	Nhánh rẽ và trạm 110kV thủy điện Long Hà	1,80	CLN, SON	Long Hà	1.800			x	Công văn 1599/SCT-NL ngày 23/7/2021 của Sở Công Thương	
3	Thu hồi đất thực hiện đấu giá tạo quỹ phát triển hạ tầng cho huyện	13,00	CLN	Bù Nho	không bồi thường về đất				Nghị Quyết 161/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện	Đất Tập đoàn CNCS Việt Nam giao về

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng các trụ sở khối cung cấp dịch vụ (Ngân hàng, bưu chính,	2,45	CLN	Bù Nho	2.500		x		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện	Phát triển Khu TTHC huyện
5	Thu hồi đất thực hiện khu thương mại dịch vụ	2,40	CLN	Bù Nho	2.500		x		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện	Phát triển Khu TTHC huyện
6	Thu hồi đất thực hiện khu tái định cư	2,30	CLN	Bù Nho	2.500		x		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện	Phát triển Khu TTHC huyện
7	Trụ sở Trung tâm Y tế huyện Phú Riềng	0,20	CLN	Bù Nho	1.000		x		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND huyện	Phát triển Khu TTHC huyện
8	Đường trục chính khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	2,90	CLN, NTS, DGT	Bù Nho	2.500		x		Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND huyện	Phát triển Khu TTHC huyện
9	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư 10ha TTHC huyện Phú Riềng	10,00	CLN	Bù Nho	1.000		x		Nghị quyết 161/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện	Phát triển Khu TTHC huyện
10	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	1,50	CLN	Bù Nho	1.200		x		Nghị Quyết 161/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND huyện	Phát triển Khu TTHC huyện

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Đường giao thông các hộ dân tại thôn Tân Hiệp 1, xã Bù Nho (thu hồi đất của hộ bà Hà Thị Oanh)	0,33	CLN	Bù Nho	không bồi thường về đất				Công văn số 549/UBND-SX ngày 12/5/2016 về việc điều chỉnh đường đi trên GCNQSD đất của các hộ dân tại Thôn Tân Hiệp 1, xã Bù Nho	Đất dân tự nguyện trả lại đất
E	Huyện Lộc Ninh	3.000,71								
I	Các danh mục chuyển tiếp	2.660,04								
1	Đường tránh QL13	54,20	CLN	Lộc Hưng, Lộc Thái; Lộc Thiện, TT Lộc Ninh,	14.138	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
2	Nâng cấp ĐT-756	16,37	CLN, ONT	Lộc Quang, Lộc Phú, Lộc Hiệp	4.893			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn tới Cửa khẩu Hoa Lư	56,07	CLN, ONT, DGT	Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Tấn	16.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đường tránh khu di tích Tà Thiết	8,40	CLN, RSX	Lộc Thành, Lộc Thịnh	1.206			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
5	Nâng cấp mở rộng đường từ Ngã Ba Đồng Tâm -Tà Thiết	55,74	CLN, ONT	Lộc Thành, Lộc Thịnh, Lộc Hưng	11.267	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
6	Đường từ QL13 qua xã Lộc An đi Lộc Hiệp	2,50	CLN	Lộc An, Lộc Hiệp	1.500		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu, đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	1,50	CLN	TT. Lộc Ninh	900		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
8	Đường điện trung hạ thế ấp K57 xã Lộc Tấn	1,50	CLN	Lộc Tấn	900		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
9	Đường điện trung hạ thế ấp 11 xã Lộc Thuận	1,00	CLN	Lộc Thuận	600		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
10	Đường từ ngã ba hồ bom làng 10 đi ấp K54 xã Lộc Thiện	1,00	CLN	Lộc Thiện	600		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
11	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	2,00	CLN	Lộc Thiện, Lộc Thành	1.200	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
12	Đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đỏ, xã Lộc Điền)	8,00	CLN	thị trấn Lộc Ninh, Lộc Thái	4.800	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
13	Đường giao thông và kè cấp suối đoạn từ Cổng sau nhà máy Chế biến đến cổng Công ty Cao su Lộc Ninh	1,60	LNC	thị trấn Lộc Ninh	3.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
14	Mở rộng nghĩa trang ấp Bà Ven + Khu hỏa táng	2,00	CLN	Lộc Khánh	1.200		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
15	Mở rộng đường ngã 3 Lộc Thuận - Bồn Xăng	0,33	CLN	Lộc Quang	198		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
16	Mở rộng đường UBND xã - Mẫu Giáo Lộc Quang	0,60	CLN	Lộc Quang	360		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	
17	Trường Mẫu giáo + Tiểu học Sao Sáng	1,00	CLN	Lộc Thuận	600		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
18	Trụ sở ấp 7	0,30	CLN	Lộc Thuận	180		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
19	Trụ sở ấp 8	0,30	CLN	Lộc Thuận	180		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
20	Nhà văn hóa ấp 11A	0,35	CLN	Lộc Thiện	210		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
21	Bia tường niệm	0,20	CLN	Lộc Thiện	120		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
22	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	5,00	CLN	Lộc Thiện	3.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
23	Khu sân chơi, bãi tập trường TH Lộc Thiện	0,50	CLN	Lộc Thiện	300		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
24	Mở rộng Trường THCS Lộc Thiện	1,00	CLN	Lộc Thành	600		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
25	Trường tiểu học và THCS Lộc Phú	2,40	CLN	Lộc Phú	144		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
26	Đường ấp Tân Bình 1	0,81	CLN	Lộc Thành	486		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
27	Đường ấp Lộc Bình 1-Lộc Bình 2	1,35	CLN	Lộc Thành	810		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	
28	Sân bóng ấp 8	2,00	CLN	Lộc Điền	1.200		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
29	Dự án cơ sở hạ tầng nông thôn phát triển sản xuất nông nghiệp	0,45	LNC	Lộc Thạnh	100	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
30	Sân vận động, Nhà thi đấu đa năng huyện	20,00	LNC	Lộc Thái	12.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
31	Cụm Quân báo - QK7	5,00	LNC	Lộc Tấn	3.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
32	Điểm X16	5,00	RSX	Lộc Tấn	900	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
33	Đường vào điểm X16	15,00	LNC	Lộc Tấn	9.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
34	Đường phía đông QL 13	97,50	LNC	Lộc Thịnh, Lộc Hưng, Lộc Thái	58.500	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
35	Điểm đầu súng	1,00	RSX	Lộc Thạnh	180	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
36	Nhà Văn hóa ấp 9	1,32	LNC	Lộc Điền	792		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
37	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở xã Lộc Khánh	0,80	LNC	Lộc Khánh	480		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
38	Khu Dân cư ấp Cần Lê	12,00	LNC	Lộc Khánh	7.200		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
39	Đường tổ 4 ấp Chà Đôn đi ấp Cần Lê	1,20	LNC	Lộc Khánh	720		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
40	Đường tránh khu di tích lịch sử Bồn Xăng	1,00	LNC	Lộc Quang	600		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
41	Điểm dừng chân của Thủ tướng Campuchia	1,00	RSX	Lộc Thạnh	180			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
42	Đường vành đai TT. Lộc Ninh	1,00	LNC	TT. Lộc Ninh	1.500		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
43	Đường từ QL13 đến chợ xã Lộc Hòa	2,00	LNC	Lộc Hòa	1.200		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
44	Khu dân cư ấp 11A	24,00	LNC	Lộc Thiện	14.400		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
45	Khu trung tâm Văn hóa, thể thao, dân cư ngã tư Mũi Tôn ấp Măng Cải	25,00	LNC	Lộc Thiện	15.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
46	Khu dân cư ấp Cây Chặt giai đoạn 1 kết hợp Nhà ở xã hội của Công ty Cao su	35,00	LNC	Lộc Tấn	21.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
47	Khu Trung tâm hành chính, công trình văn hóa, giáo dục, thể thao, bến xe, dân cư Lộc Thái kết hợp Nhà ở xã hội của Công ty Cao su	35,00	LNC	Lộc Thái	21.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	
48	Thao trường huấn luyện Đại đội Bộ binh 31	10,00	LNC	Lộc An	6.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
49	Công trình trạm biến áp 110KV Hoa Lư	0,67	RSX, CLN	Lộc Thạnh	133	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
50	CTr đường dây 110KV nhánh rẽ đầu nối trạm 110KV Hoa Lư	0,74	CLN	Lộc Thuận; Lộc Hiệp; Lộc An; Lộc tấn; Lộc Hòa; Lộc Thạnh	186	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
51	Đường phía tây QL 13 kết nối Chợ Thành -Hoa Lư	73,72	CLN, ONT, RSX, DTL, DGT	Lộc Thiện, Lộc Thịnh; Lộc Thành, Lộc Tấn	89.925			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
52	Đường phía tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (thu hồi bổ sung đoạn tuyến đường từ 13B đến khu vực X16)	29,87	CLN, ONT, RSN, DTL, DGT	Lộc Tấn	9.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
53	Đất cho Cty TNHH TM DV Xử lý Môi trường Khải Tiến Phát xây dựng Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại, sản xuất gia công tái chế kim loại	49,00	CLN, RSX	Lộc Thạnh	8.820	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
54	Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh, hạ tầng khu công nghiệp Vcom	300,00	RSX	Lộc Thạnh	69.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
55	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Ledana	425,00	RSX	Lộc Thạnh	76.500			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
56	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Lư	404,00	RSX	Lộc Tấn, Lộc Thạnh	72.720			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
57	Nhà máy chế biến mù cưa - Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Bình Dương	40,00	RSX	Lộc Tấn	7.200			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
58	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp trong Khu kinh tế	330,00	RSX	Lộc Thạnh	59.400			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
59	Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ, khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	37,55	CLN	TT. Lộc Ninh	9.763	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
60	Mở rộng đường ấp 9 Lộc Điền	3,50	CLN	Lộc Điền	875		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
61	Đường Sóc Bà Bom đi lâm trường	2,00	CLN, LUK	Lộc Hòa	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
62	Trụ sở ấp 11B mới	0,30	CLN	Lộc Thiện	180		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
63	Khu xử lý chất thải tập trung của huyện	40,00	CLN, RSX	Lộc Thạnh	2.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
64	Khu dân cư ấp K57, xã Lộc Tấn	23,00	LNC	Lộc Tấn	1.380		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
65	Khu Trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ và dân cư ấp 6A, 5B, 5C xã Lộc Tấn	20,00	LNC	Lộc Tấn	1.200		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
66	Khu dân cư khu phố Ninh Thuận	10,00	LNC	TT. Lộc Ninh	6.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
67	Khu dân cư ngã tư Mũi Tôn, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện	20,00	LNC	Lộc Thiện	12.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
68	Điểm dân cư liền kề Chốt dân quân Lộc Thiện	5,00	RSX	Lộc Thiện	900	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
69	Điểm dân cư liền kề Chốt dân quân Lộc Hòa	5,00	LNC	Lộc Hòa	3.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
70	Điểm dân cư liền kề Chốt dân quân Lộc An	2,50	RSX	Lộc An	450	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
71	Xây dựng Cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0,51	CLN, ONT, DGT	Lộc Khánh, Lộc Phú, Lộc Quang	1.000	x	.		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
72	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (giai đoạn 2) và xây dựng các tuyến đường còn lại, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước	183,00	CLN, SON	Lộc Tấn, Lộc Thạnh	74.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
73	Dự án xây dựng hạ tầng khu thương mại - công nghiệp - dịch vụ 03 cửa khẩu quốc gia: Hoàng Diệu, Tân Thành, Lộc Thịnh	57,00	CLN, SON	Lộc Thịnh	100.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
74	Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước	60,00	CLN, SON, ONT, DGT, LUK, HNK	Lộc Khánh, TT. Lộc Ninh	112.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
75	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	10,00	CLN, SON, ONT		7.000	3.000,00		4000,00	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
76	Dự án: Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh	3,20	CLN	Lộc Thịnh và Lộc Tấn	1.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
77	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thiện	2,00	RSX	Lộc Thiện	360	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
78	Đường tổ 4 ấp Chà Đôn đi ấp Càn Lê	1,20	LNC	Lộc Khánh	720		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
II	Các danh mục đăng ký mới	340,68								
1	Đường vào Trường TH và THCS Lộc Phú	0,60	LNC	Lộc Phú	360		x		Thông báo số 137/TB-UBND ngày 21/9/2020 của UBND huyện	
2	Khu dân cư thị trấn Lộc Ninh	0,08	TSC	TT. Lộc Ninh					UBND huyện chủ trương đấu giá	Đất trụ sở Trung tâm Dân số
3	Xây dựng Trường Tiểu học thị trấn Lộc Ninh A	2,50	CLN	TT. Lộc Ninh	150		x		QĐ 1862/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện	Đất Công ty Cao su
4	Xây dựng mới Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	2,00		TT. Lộc Ninh	120		x		Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của HĐND huyện	Đất Công ty Cao su

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
5	Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh, hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Dung	301,00	RSX	Lộc Thạnh	54.180			x	Công văn số 1470/BQL-QHXDTNMT ngày 07/10/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế	Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư
6	Dự án nhà máy sản xuất gang tay Kichy Việt Nam	30,00	RSX	Lộc Thạnh	5.400			x	Công văn số 1470/BQL-QHXDTNMT ngày 07/10/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế	Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư
7	Khu văn hóa xã (Nhà sản xuất văn hóa đồng bào Khmer)	0,50	LUK	Lộc Khánh	300		x		Công văn số 2026/UBND-KT ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh	
8	Khu TDTT xã	2,00	LUK, CLN, MNC	Lộc Khánh	1.200		x		Thông báo số 190/TB-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện	
9	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Tấn	2,00	RSX	Lộc Tấn	360			360	Công văn số 2674/UBND-NC ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh	
F	Huyện Đồng Phú	2.341,76								
I	Các danh mục chuyển tiếp	1.928,09								
1	Dự án Công trình QK1	19,77	CLN	Tân Tiến	24.101	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741	24,63	CLN	TT. Tân Phú, Tân Lập, Tân Tiến, Thuận Phú, Thuận	53.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Đường Đồng Phú - Bình Dương	68,37	CLN+ DGT + NTS + SON	Tân Phước, Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng, Đồng Tâm	45.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
4	Xây dựng đường kết nối ĐT 753B	11,50	ONT +CLN	Đồng Tâm, Tân Phước	6.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
5	Đường Đồng Tiến-Tân Phú	35,09	CLN, ONT	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, TT. Tân Phú	33.050	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
6	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Đồng Xoài	22,76	ONT + CLN	Tân Lập, Tân Tiến, TT Tân Phú	20.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
7	Nâng cấp mở rộng ĐT 755	0,26	CLN, ONT	Tân Phước	300	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,10	CLN	Tân Tiến	450	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
9	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,09	CLN	Tân Lập	450	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
10	Công trình "lộ ra Đường dây 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (02 mạch)	0,13	ODT + CLN	TT Tân Phú	500			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
11	Công trình Đường dây 110kV trạm 110kv Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,35	ONT + CLN	Thuận Phú, Thuận Lợi	500			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
12	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Lập (Tuyến 1)	18,70	ODT + CLN	Tân Lập	9.500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
13	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Tiến (Tuyến 2)	27,50	ODT + CLN	Tân Tiến	13.100		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
14	Tuyến đi qua Khu QH dân cư mới xã Tân Tiến (Tuyến 3)	26,10	ODT + CLN	TT Tân Phú, Tân Tiến, Tân Hòa	15.700		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
15	Tuyến đường kết nối TT. Tân phú - xã Tân Lợi và đường Đồng Phú - Bình Dương (Tuyến 4)	33,90	ODT + CLN	TT Tân Phú, Tân Tiến, Tân Hòa, Tân Lợi	21.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
16	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Lợi (Tuyến 5)	2,10	ODT + CLN	Tân Lập	6.277		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
17	Đường tổ 47, xã Tân Lập	0,35	CLN	Tân Lập	1.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
18	Đường Đông Tây 9 nối dài đến hồ Bà Mụ (Đổi tên thành "Xây dựng đường Tổ 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân	1,40	CLN	TT Tân Phú	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
19	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	0,34	ODT + CLN	TT Tân Phú	1.838		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
20	Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến KCN Bắc Đồng Phú	1,89	CLN	TT Tân Phú	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
21	Đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch (Bắc Nam 2)	1,50	CLN	TT Tân Phú	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
22	Nâng cấp, sửa chữa đường Tô 27 B (Đông Tây 10) đoạn từ ĐT741 đến đường Phú Riềng Đỏ, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú	0,70	ODT + CLN	TT Tân Phú	2.947		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
23	Xây dựng đường từ Chùa Thanh Long (đường Đông Tây 13) nối dài đến đường kết nối phía Tây Nam Đồng Xoài, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân	2,72	ODT, CLN	TT Tân Phú	2.467		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
24	Đường vào trường mầm non Đồng Tiến	0,20	HNK	Đồng Tiến	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
25	Thu hồi đất để phát triển kinh tế địa phương	10,98	CLN	Tân Tiến	10.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
26	Đất quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, thương mại dịch vụ	156,00	CLN	Thuận Lợi	23.400	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
27	Đất quy hoạch phát triển các khu đô thị	552,48	CLN	TT. Tân Phú	82.872	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
28	Đất quy hoạch phát triển các khu đô thị	192,00	CLN	TT. Tân Phú	28.800	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
29	Đường giao thông tổ 1, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	0,06	DYT	TT Tân Phú	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
30	Khu dân cư Chợ Thuận Phú	8,10	CLN	Thuận Phú	8.100		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
31	Khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	8,00	CLN	Tân Lập	8.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
32	Khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	16,23	CLN	Tân Lập	15.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
33	Khu dân cư tập trung kết hợp cơ quan hành chính nhà nước, trường học tại xã Tân Tiến	100,96	CLN	Tân Tiến	50.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

ĐỒNG PHÚ

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
34	Đường tổ 8	0,02	ODT	TT Tân Phú	1.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
35	Đường tổ 10	0,02	ODT	TT Tân Phú	1.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
36	Mở rộng chợ Đồng Tâm	0,05	CLN	Đồng Tâm	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
37	Khu TTHC huyện Đồng Phú mở rộng sang phía Tây hồ Bàu Cọp	300,00	CLN	TT Tân Phú	900.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
38	Trạm 110KV khu CN Bắc Đồng Phú và nhánh rẽ trạm 110 KV khu CN Bắc Đồng Phú	0,58	ONT + CLN	TT Tân Phú Tân Lợi	1.000			x	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
39	Đường dây 110kV Đồng Xoài - Phú Giáo	1,10	ONT + CLN	Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập	1.000			x	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
40	Dự án Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	33,00	ONT+ CLN+ DGT+DTL	Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập	38.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
41	Dự án Xây dựng đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT.755 nối ĐT.753	45,00	ONT+ CLN+ DGT+DTL	Đồng Tâm, Tân Phước	20.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
42	Dự án xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (Vành Đai phía Tây hồ Suối Giai)	52,00	ONT+ CLN+ DGT+DTL	TT Tân Phú, Tân Lập, Tân Tiến	12.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
43	Dự án Xây dựng đường cặp theo đường dây 500kv đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	40,70	ONT+ CLN+ DGT+DTL + TSN	Tiến Hưng, Tân Lợi, Tân Tiến, TT Tân Phú	20.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
44	Xây dựng Cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	1,68	ONT+ CLN+ DGT+DTL	Tân Phước, Đồng Tâm, Đồng Tiến, Thuận Lợi	2.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
45	Xây dựng đường kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	31,60	ONT+ CLN+ DGT+DTL	Tân Phước, Đồng Tâm	30.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
46	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ Suối Rạt	60,00	ODT+ CLN+ DGT+ SON + ONT	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, TT. Tân Phú	186.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
47	Dự án xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	6,00	CLN+ DGT+ ONT	Tân Lập	5.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
48	Dự án xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Đồng Phú	6,00	CLN+ DGT+ ONT	Tân Lập	8.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
49	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	5,00	CLN+ DGT+ ONT	Tân Phước	7.000	x		x	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
50	Mở rộng đường Đông Tây 9 (đất của ông Trần Văn Hoạch)	0,01	ODT +CLN	TT Tân Phú	600		x		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
51	Đường phía sau khu Hoa viên - Tượng đài (đất của bà Phạm Thị Nhuận)	0,06	CLN	TT Tân Phú	100		x		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
II	Các danh mục đăng ký mới	413,67								
1	Xây dựng đường Tổ 9 kết nối giao thông với đường Phú Riêng Đò (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	0,50	ODT+ CLN	TT Tân Phú	1.681		x		Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7,53	ODT+ CLN	TT Tân Phú	4.126		x		Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	
3	Xây dựng đường cấp phối sỏi đỏ Tổ 33 (đường Đông Tây 11) nối dài đến đường kết nối phía Tây Nam Đồng Xoài, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân	2,89	ODT+ CLN	TT Tân Phú	2.834		x		Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	
4	Xây dựng đường Bắc Nam 6, khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú.	1,02	ODT, CLN	TT Tân Phú	2.965		x		QĐ 4536/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	
5	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	1,38	ODT+ CLN	TT Tân Phú	4.158		x		Quyết định số 4537/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện	
6	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	1,02	ODT+ CLN	TT Tân Phú	5.626		x		Quyết định số 4498/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài (đoạn từ đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng đến KDC 17ha), thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	3,57	ODT, CLN	TT Tân Phú	2.488		x		QĐ 4542/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	
8	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	3,57	ODT+ CLN	TT Tân Phú	2.549		x		Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	
9	Xây dựng đường dọc hai bên suối, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú.	2,30	ODT, CLN	TT Tân Phú	1.000		x		Công văn 539/KTHT-GTXD ngày 08/10/2020 của phòng Kinh tế và Hạ tầng	
10	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	2,25	CLN	Tân Lập	1.000		x		QĐ 4546/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	
11	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	4,02	ODT +CLN	TT Tân Phú	4.660		x		Quyết định số 4543/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện	
12	Nâng cấp, sửa chữa đường từ Nhà văn hóa ấp Dên Dên đến làng Hải Phong ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú (TPUM3).	0,99	ODT +CLN	TT Tân Phú	5.000		x		Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 18/05/2021 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	0,15	ONT + CLN	Tân Lập	300		x		Công văn số 468/KTHT-GTXD ngày 17/9/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
14	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	1,50	ONT + CLN	Tân Phước	1.500		x		Công văn số 468/KTHT-GTXD ngày 17/9/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
15	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đỏ đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	1,50	ODT+ CLN	TT Tân Phú	2.500		x		Công văn số 468/KTHT-GTXD ngày 17/9/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
16	Xây dựng đường trong khu căn cứ hậu cần huyện Đồng Phú	1,80	CLN	Tân Hoà					Công văn số 468/KTHT-GTXD ngày 17/9/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
17	Chợ Thạch Màng	0,60	RSX	Tân Lợi	1.500		x		Công văn số 468/KTHT-GTXD ngày 17/9/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
18	Cụm công nghiệp Tân Hưng	68,00	CLN	Tân Lợi	50.000		x		Công văn số 468/KTHT-GTXD ngày 17/9/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
19	Mở rộng ĐT758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối với QL14	77,76	ONT + CLN + ODT + DGT + DTL	Thuận Lợi, Thuận Phú, Đồng Tiến	20.000	x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	Công văn số 917/BQLDA-TCKT ngày 24/9/2021 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
20	Nâng cấp mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa-Vũng Tàu	72,80	ONT + CLN + ODT + DGT + DTL	Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hòa	15.000	x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	Công văn số 917/BQLDA-TCKT ngày 24/9/2021 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
21	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản	72,45	ODT + ONT + CLN + DGT + SON	Thuận Phú	144.900	x			Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	Công văn số 917/BQLDA-TCKT ngày 24/9/2021 của Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
22	Xây dựng đường phía Tây Nam huyện Đồng Phú (từ ĐT.741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	40,00	SON, CLN, ONT	Tân Lập, Tân Tiến, TT Tân Phú	10.000		x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
23	Xây dựng tuyến phía Đông Nam Quốc lộ 14 kết nối Đăk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Bình	16,03	SON, CLN, ONT	Tân Lợi	8.000		x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
24	Tuyến đường Đồng Phú - Đồng Xoài,- Thuận Phú kết nối với KCN Đồng Xoài I, II, với Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú	15,00	CLN, ONT, ODT	Thuận Phú	7.000		x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
25	Xây dựng đường kết nối từ ấp Dên Dên thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	15,04	SON, CLN, ONT	TT Tân Phú	6.000		x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
G	Huyện Bù Đăng	358,34								
I	Các danh mục chuyển tiếp	245,66								
1	Nghĩa địa xã Đak Nhau	3,07	CLN	Đak Nhau	997		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
2	Chợ thôn 2 Đức Liễu	0,58	CLN	Đức Liễu	291		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	6,60	CLN	Đức Liễu, Nghĩa Bình, Thống Nhất	60.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
4	Xây dựng trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1,00	CLN	Đồng Nai	20.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
5	Trường MG Hoa Phượng xã Thọ Sơn	1,00	CLN	Thọ Sơn	20.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
6	Bãi rác cụm Đak Nhau, Đường 10	1,30	CLN	Đak Nhau	2.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
7	Nhà máy thủy điện Đức Thành (TĐ Trường Sơn BP)	29,02	CLN, RPH	Các : Thống Nhất, Phước Sơn, Đồng Nai				x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
8	Nghĩa trang công nhân Nông trường Minh Hưng	2,00	CLN	Minh Hưng				x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
9	Nghĩa trang công nhân Nông trường Thọ Sơn	2,00	CLN	Phú Sơn				x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Mở rộng trường TH Tô Vĩnh Diện	0,80	CLN	Bình Minh	250		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
11	Quy hoạch xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	1,50	CLN	Thống Nhất	1.500		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
12	Đường từ Phước Sơn đi Đồng Nai	10,00	CLN	Phước Sơn, Đồng Nai	15.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
13	Mở rộng chợ Bù Na	0,80	TMD (0,05), ODT (0,05)	Nghĩa Trung				x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
14	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	6,30	CLN	Các : Bình Minh, Minh Hưng	30.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
15	Nâng cấp, mở rộng đường Phước Sơn - Đoàn Kết - Đồng Nai (ĐH.03)	28,66	CLN, ONT	Các : Phước Sơn, Đoàn Kết, Đồng Nai	30.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
16	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	11,00	HNK, CLN, LUK	Đăng Hà	75.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
17	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước sử dụng vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2013-2020	0,39	CLN	Phú Sơn	10.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
18	Khu dân cư Lý Thường Kiệt	34,75	CLN, ODT	Đức Phong	50.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
19	Dự án thủy điện Đak R'lấp 3	20,12	RPH	Đồng Nai				Vốn doanh nghiệp	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
20	Khu dân cư Đăng Hà	1,00	CLN; NHK	Đăng Hà	3.000		3.000,00		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
21	Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	1,07	ONT; CLN; DGT; DTL	Các xã: Phú Sơn, Đường 10, Thống Nhất, Bom Bo, Bình Minh, Nghĩa Bình, Thọ Sơn	2.000	2.000,00			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
22	Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo (DT: 113,04 ha)	14,20	CLN, ONT	Bình Minh	350	x			Nghị quyết 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
23	Trạm 110kV Đức Liễu và ĐD 110kV trạm 110kV Bù Đăng - 110kV Đức Liễu	1,32	CLN	Minh Hưng, Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Đức Liễu	8.000			x	Nghị quyết 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
24	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH Đak Nhau	1,20	CLN	Đak Nhau	6.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
25	Mở rộng khu TTHC xã Đak Nhau	2,00	CLN, ONT	Đak Nhau	904		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
26	Trường mẫu giáo Hoa Sen	1,00	CLN	Đoàn Kết	400		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
27	Hồ chứa nước Darana thuộc dự án cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới	0,50	CLN	Đức Liễu	37.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
28	Xây dựng Trụ sở phòng cháy chữa cháy	1,27	CLN	Đức Phong	1.800	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
29	Công trình thi công nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đak Woa, huyện Bù Đăng. (giai đoạn II)	6,00	ODT (0,2), CLN (0,8), SON (5)	Đức Phong	30.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
30	Mở rộng chợ Bù Đăng	0,10	CLN	Đức Phong	4.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
31	Trụ sở Công an huyện, huyện ủy (bao gồm sân vườn, khuôn viên) và các cơ quan khác	15,00	CLN, ODT	Đức Phong	15.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
32	Xây dựng đường thâm nhập nhựa đường số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300m, xã Đường 10	1,00	CLN	Đường 10	4.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
33	Quy hoạch mới Sân vận động	1,50	CLN	Đường 10	1.200		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
34	Quy hoạch mở rộng nghĩa trang	1,40	CLN	Đường 10	700		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
35	Quy hoạch khu dân cư, thương mại (mở rộng chợ cũ) Đường 10	2,00	CLN: 1,8, ONT:0,2	Đường 10	3.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
36	Đường điện đầu nối thủy điện Đức Thành	2,60	CLN	Minh Hưng	2.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
37	Hồ chứa nước Đaou2 thuộc dự án Cùm công trình thủy lợi vùng cao biên giới (Đập thủy lợi thôn Bình Trung, Bình Tiến, Bình Thọ)	3,00	CLN; ONT	Nghĩa Bình	24.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
38	Lộ ra 110kv từ trạm 220kv Phước Long (2 mạch)	0,04	CLN	Nghĩa Trung				x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
39	Nghĩa địa thôn Sơn Tân, Phú Sơn	1,00	CLN	Phú Sơn	500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
40	Mở rộng THCS Thọ Sơn	0,06	CLN	Thọ Sơn	2.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
41	Bãi rác cụm xã Phú Sơn, Thọ Sơn, Đồng Nai	2,00	CLN	Thọ Sơn	60		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
42	Thủy điện Thống Nhất	24,90	CLN	Thống Nhất	20.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
43	Tiểu dự án tái định cư khu vực Đa Bông Cua	0,61	CLN	Thống Nhất	307	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	
II	Các danh mục đăng ký mới	112,68								
1	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước sử dụng vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2013-2020	0,12	CLN	Phú Sơn	5.000	x			Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 và 1545/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh	
2	Bãi rác cụm Đak Nhau, Đường 10	0,70	CLN	Đak Nhau	1.200		x		Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh	
3	Trường MG Hoa Phượng xã Thọ Sơn	0,50	CLN	Thọ Sơn	7.000	x			Quyết định 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.	4,80	CLN	Đồng Nai; Thọ Sơn	40.000	x			Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2020; Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	
5	Công trình Đường dây 500Kv mạch kép Thuận Nam - Chơn Thành (Phần móng trụ 3,44 ha và hành lang tuyến 75,62 ha)	79,06	CLN, RSX	Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Đức Liễu, Thống Nhất				x	Công văn số 9060/CPMP-PĐB ngày 30/9/2020 của Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	
6	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường vườn chuối Bù Lạch)	7,20	CLN	Phú Sơn; Đồng Nai	60.000	x			Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 xã Thọ Sơn đi xã Đak Nhau	10,80	CLN; ONT	Thọ Sơn; Đak Nhau	110.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
8	Xây dựng đường liên xã Thống Nhất đi Phước Sơn	7,80	CLN	Thống Nhất; Phước Sơn	65.000	x			Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	
9	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	1,70		Đức Phong	10.000		x		Kết luận số 24-KL/HU ngày 08/4/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy	

ĐỒNG NH

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
H	Huyện Bù Đốp	348,91								
I	Các danh mục chuyển tiếp	324,23								
1	Công trình chiến đấu 1	0,60	CLN	Hưng Phước	1.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
2	Trường bắn BCHBD Biên Phòng	30,00	RSX	Phước Thiện	20.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
3	Căn cứ hậu cần kỹ thuật	21,78	CLN	Thanh Hòa	22.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
4	Khu sơ tán các phòng ban, ngành đoàn thể trong hoạt động phòng thủ dân sự	30,00	CLN	Thanh Hòa	30.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
5	Đề án quy hoạch thao trường (2 điểm)	32,75	CLN	Hưng Phước, Phước Thiện	33.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
6	Dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP)	0,16	CLN	Thiện Hưng	4.181	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Dự án xây dựng hạ tầng khu thương mại - công nghiệp - dịch vụ 03 cửa khẩu quốc gia: Hoàng Diệu, Tân Thành, Lộc Thịnh	154,55	CLN	Hưng Phước; Tân Thành	100.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
8	Xây dựng các nhà làm việc và nhà ở cho các lượng lượng chức năng tại cửa khẩu, lối mở trên địa bàn tỉnh	4,80	CLN	Phước Thiện; Tân Thành; Hưng Phước	1.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
9	Đường Hùng Vương nối dài	2,50	LUK, CLN, ODT	Thanh Bình	10.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
10	Đường Nguyễn Lương Bằng nối dài (Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn đi xã Thiện)	3,00	LUK, CLN, ODT	Thanh Bình	20.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
11	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	6,50	RSX, CLN	Hưng Phước, Phước Thiện	35.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
12	Đường ĐT 759 đi trung tâm thương mại huyện	4,99	CLN	Thanh Bình; Thiện Hưng	3.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Cầu dân sinh	0,30	CLN	Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa	1.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
14	Đường Lóc Tấn -Bù Đốp	0,70	CLN	Tân Thành	5.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
15	Nâng cấp đường nhựa khu phố Thanh Bình	1,60	CLN	Thanh Bình	2.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
16	Đường nhựa cấp bệnh viện Đa Khoa	2,00	CLN	Thanh Bình	2.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
17	Đập thủy lợi (ấp 4+5)	20,00	LUK	Thanh Hòa	4.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
18	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng BĐKH- Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB)	8,00	LUK; CLN	Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa; Thanh Bình	7.000	3.000		4.000	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh	
II	Các danh mục đăng ký mới	24,68								

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Xây dựng trường điểm lẻ ấp 6 trường TH và THCS Thanh Hòa	0,19	CLN	Thanh Hòa	400		x		Quyết định 806/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND	
2	Xây dựng đường GTNT từ ấp 1 xã Thanh Hòa đi tổ 5 khu phố Thanh Bình, TT Thanh Bình	0,50	CLN	Thanh Hòa	2.000		x		Công văn số 2288/UBND-KT ngày 28/9/2021 của UBND huyện	
3	Xây dựng đường kênh mương nội đồng ấp 1 xã Thanh Hòa	3,00	CLN	Thanh Hòa	3.000		x		Công văn số 48/KTHT ngày 16/8/2021 phòng Kinh Tế -Hạ Tầng	
4	Đường tránh trung tâm hành chính huyện	10,00	LUK; CLN; ODT; ONT	Thanh Bình, Thiện Hưng, Thanh Hòa	40.147	x			Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
5	Xây dựng đường vào điểm lẻ ấp 6 trường TH và THCS Thanh Hòa	0,30	CLN	Thanh Hòa	300		x		Công văn số 2029/UBND-TH ngày 30/8/2021 của UBND huyện	
6	Tuyến kênh dẫn nước sau Hồ thủy lợi ấp Bù Tam (thuộc dự án cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới)	2,68	LUK; CLN; NTS; DGT; SON	Hưng Phước	2.500			x	Công văn số 923/BQLDA ngày 24/9/2021 của BQLDA ĐTXD tỉnh;	
7	Mở rộng điểm dân cư liên kề đồn biên phòng Tân Thành	1,00	CLN	Tân Thành	400		x		Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Xây dựng trường tiểu học Thanh Bình B	2,00	CLN	Thanh Bình	10.000	x			Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương 2022	
9	Trường mẫu giáo Phước Thiện	0,80	LUK	Phước Thiện	2.400		x		Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND	
10	Điểm dân cư liền kề đồn biên phòng Bù Đốp	2,00	CLN	Hung Phước	800	x			Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh	
11	Xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài	2,00	ODT CLN	TT. Thanh Bình	2.000		x		Công văn số 48/KTHT ngày 16/8/2021 phòng Kinh Tế -Hạ Tầng	
12	Lát gạch vỉa hè đường Lê Duẩn từ ngã ba Công Chánh đến đường Nguyễn Lương Bằng	0,40	CLN	TT Thanh Bình	2.000		x		Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	
13	Căn cứ Tỉnh ủy Bình Phước	3,0	ODT CLN	Tân Tiến	6.000	x			Kết luận số 57-KL/TU ngày 23/4/2021 của Tỉnh ủy	
i	Thành phố Đồng Xoài	1.432,01								
I	Các danh mục chuyển tiếp	1.201,32								
1	Thao trường huấn luyện (ấp 4, xã Tiến Hưng)	22,00	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	6.000	x			Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Căn cứ chiến đấu (KP Bưng Trang, Tiến Thành)	19,50	CLN và các loại Đất khác	Tiến Thành	4.500	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Khu sơ tán Nhân dân trong khu vực phòng thủ dân sự TP. Đồng Xoài	32,10	CLN và các loại Đất khác	Tiến Thành	2.500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
4	Trụ sở Công an TP. Đồng Xoài, Trường Tiểu học Tân Bình và KDC dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Bình	17,31	CLN và các loại Đất khác	Tân Bình	59.100		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
5	Khu Du lịch Hồ Suối Cam (giai đoạn 2)	166,90	CLN và các loại Đất khác	Tân Phú, Tiến Thành	479.940	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
6	Đường Hai Bà Trưng nối dài (còn 07 hộ)	0,04	CLN và các loại Đất khác	Tân Phú	115		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
7	Đường quy hoạch số 18 (từ Lê Duẩn đến Võ Văn Tần)	0,50	CLN và các loại Đất khác	Tân Bình	3.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Đường Nguyễn Huệ nối dài (TTVH Tân Đồng đến Hồ Xuân Hương)	6,90	CLN và các loại Đất khác	Tân Phú, Tân Đồng	24.150		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
9	Đường tránh nội ô TP. Đồng Xoài - kết nối ĐT741 với QL14 (Đường Nguyễn Huệ)	9,80	CLN và các loại Đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	34.300		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
10	Đường vành đai phía Nam thành phố Đồng Xoài (qua 05 phường, xã)-Đường quy hoạch 32m	41,01	CLN và các loại Đất khác	Tân Thành, Tiến Thành, Tân Bình, Tân Xuân, Tân Thiện	134.400		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
11	Đường dọc theo hai bên suối Tầm Vông	0,78	CLN và các loại Đất khác	Tân Bình, Tân Xuân	2.730			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
12	Đường dọc theo hai bên suối Đồng Tiền	4,50	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	15.750			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
13	Đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai KCN Đồng Xoài III; dài khoảng 3km)	9,60	CLN và các loại Đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	33.600		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến KCN Đồng Xoài III	2,56	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	8.960		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
15	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa tỉnh Bình Phước	30,16	CLN+ DTL + DGT + ONT+ NTS và các loại Đất khác	Tân Thành	284.270			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
16	Tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa (Đường số 30)	3,61	CLN+ ODT + DGT và các loại Đất khác	Tân Bình	12.635	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

A red circular stamp with the text "ĐỒNG NAI" in the center, surrounded by a decorative border.

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
17	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài (đoạn từ ĐH 507 đến giáp ranh huyện Đồng Phú khoảng 1km và đoạn từ đường Vành đai (quy hoạch) của thành phố Đồng Xoài đến đường quy hoạch số 30 (ranh quy hoạch Công viên Trung tâm): dài 652,93m; từ đường số 12 của quy hoạch Công viên Trung tâm đến QL14: dài 213,68m)	15,16	CLN+ ODT	Tân Bình Tiến Hưng	53.060	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
18	Đường dọc theo hai bên suối Mơ	0,18	CLN và các loại Đất khác	Tân Phú	630			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
19	Đường hai bên suối Cầu Khi và suối Rinh, xã Tiến Hưng	2,25	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	7.875			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
20	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5 và số 7 khu công nghiệp Đồng Xoài I	23,64	CLN+ ONT+ ODT+ SKC+ DGT và các loại Đất khác	Tiến Thành, Tân Thành	2.900	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
21	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL.14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	10,42	CLN, ONT, NHK	Tân Phú Tiến Thành	2.370	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
22	Xây dựng đường An Dương Vương (đường quy hoạch 48) P. Tân Phú (đoạn từ QL14 đến đường Lý Thường Kiệt)	1,50	CLN và các loại Đất khác	Tân Phú	4.560		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
23	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Vành đai)	1,84	CLN và các loại Đất khác	Tiến Thành	6.370		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
24	Đường quy hoạch số 31	22,16	CLN và các loại Đất khác	Tiến Thành, Tân Thành, Tân Bình	29.225		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
25	Đường quy hoạch số 34 (Hải Thượng Lãn Ông)	9,07	CLN và các loại Đất khác	Tiến Thành	18.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
26	Đường Phan Bội Châu (đoạn từ Tôn Đức Thắng đến KCN Đồng Xoài 3)	3,36	CLN và các loại Đất khác	Tân Bình	6.615		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
27	Đường quy hoạch số 21	6,49	CLN và các loại Đất khác	Tân Bình Tiến Hưng	22.715		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
28	Đường quy hoạch số 16	6,98	CLN và các loại Đất khác	Tân Thiện	24.430		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
29	Đường quy hoạch số 11	6,75	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng	23.625		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
30	Đường quy hoạch số 8	1,27	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng	4.287		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
31	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Vành đai)	1,94	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng	6.790		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
32	Đường Trường Chinh (Đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	1,98	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	6.930		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
33	Tuyến đường từ Khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến đường đi Bình Dương	3,20	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng	11.200		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
34	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại KDC phía Bắc tỉnh lỵ	1,00	CLN + ODT và các loại Đất khác	Tân Phú	2.500	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
35	Dự án Xây dựng đường nối Đường vòng quanh hồ Phước Hòa với KCN Đồng Xoài I	27,00	CLN + ONT + DGT + DLT + NTS và các loại Đất khác	Tiến Thành, Tân Thành	51.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
36	Dự án Xây dựng đường cấp theo đường dây 500KV đoạn Đồng Xoài-Đồng Phú	52,90	CLN + DTL+ DGT + ONT + NTS	Tân Xuân Tân Thiện Tiến Hưng	43.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh;	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
37	Xây dựng tuyến đường Vành đai suối Cam 1-2, kết nối Quốc lộ 14	51,68	ONT + CLN + ODT + DGT + DTL	Tân Phú, Tiến Thành	100.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
38	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài II	0,06	CLN và các loại Đất khác	Tiến Thành	94	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
39	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài III	0,31	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng Tiến Thành	1.085	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
40	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài I	0,68	LUA và các loại Đất khác	Tân Thành	6.221	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
41	Dự án Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn suối Dinh - KCN Đồng Xoài II)	3,68	CLN+ LUA+ SON+ DGT và các loại Đất khác	Tiến Hưng, Tiến Thành	7.879	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
42	Đường dây 110kV trạm 110kV Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,29	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	2.465			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
43	Lộ ra 110kV từ trạm 220 kV Chơn Thành (02 mạch)	0,49	CLN và các loại Đất khác	Tiến Hưng, Tân Thành	3.185			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
44	Nghĩa trang nhân dân Đồng Xoài II tại ấp Bung Sê, Tân Thành	5,50	CLN và các loại Đất khác	Tân Thành	19.250		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
45	Dự án Khu đô thị mới Công viên trung tâm Đồng Xoài	49,36	CLN và các loại đất khác	Tân Bình	543.004			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
46	Khu dân cư và hồ điều hòa phường Tân Thiện	31,10	CLN và các loại đất khác	Tân Thiện	93.300			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
47	Thu hồi đất của Công ty CP Sách và Thiết bị trường học (Dự án chỉnh trang đô thị đường Trần Hưng Đạo)	0,16	SKC	Tân Phú		x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
48	Đường dọc theo hai bên suối Cái Bè	7,82	CLN và các loại đất khác	Tân Bình, Tân Xuân	13.370		x		Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
49	Khu trụ sở cơ quan và dân cư phía Bắc phường Tân Phú	29,47	CLN	Tân Phú					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
50	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB)	160,00	ODT+ CLN+ DGT+ SON	Tân Đồng, Tân Thiện	150.000	75.000		75.000	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh;	
51	Khu phân lô đất công tại Lâm trường Suối Nhung	1,00	ODT+DGT + CLN	Tân Bình			x		Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
52	Dự án thủy lợi Phước Hòa-Hạng mục phát sinh lòng hồ	0,10	CLN	Tân Thành	350	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh	
53	Nâng cấp MR QL.14 và ĐT.751 đoạn Đồng Xoài-Chơn Thành	28,00	ODT+ CLN+ DGT+ DTL	Tân Thành, Tiến Thành	150.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
54	Xây dựng đường Đồng Xoài -Tân Lập (Vành đai phía Tây hồ suối Giai)	10,75	CLN+ DTL+ DGT+ ONT+ NTS	Tiến Hưng	9.000	x			Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 2/7/2021 của HĐND tỉnh	
55	Công viên Suối Cam giai đoạn II	9,00	CLN+ ODT	Phường Tân Phú		x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
56	Đoạn mương thoát nước sau xử lý (thuộc hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải của, dự án: Các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Đồng Xoài I. Hạng mục: Nhà máy xử lý nước	0,24	CLN	Tân Thành	2.200	x			Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 2/7/2021 của HĐND tỉnh	
57	Dự án cụm công trình thủy lợi thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Suối Cam 3,4,5)	134,00	ODT + CLN + DGT + SON + ONT	Tiến Thành, Tân Thành	558.000			x	Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 2/7/2021 của HĐND tỉnh	
58	Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ suối Rạt	110,00	ODT+ CLN+ DGT+ SON+ ONT	thành phố Đồng Xoài	90.000			x	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
59	Xây dựng đường Đồng Tiến - Tân Phú	0,91	CLN+ DTL+ DGT	Tân Thiện	2.000	x			Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
60	TTHC phường Tân Đồng (phần còn lại 05 hộ)	0,35	CLN và các loại Đất khác	Tân Đồng					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh;	
II	Các danh mục đăng ký mới	230,69								

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Khu đô thị mới phía Đông phường Tân Thiện	46,10	CLN và các loại đất khác	Tân Thiện		x			Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch	
2	GPMB+Xây dựng phần còn lại đường Lê Lợi và các tuyến đường tiếp giáp công viên Xoài, phường Tân Phú	0,54	ODT+CLN +HNK+NT S	Tân Phú			x		Nghị quyết 97/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của HĐND thành phố Đồng Xoài	
3	Dự án cụm công trình thủy lợi thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Suối Cam 3,4,5)	166,00	ODT + CLN + DGT + SON + ONT	Tiến Thành, Tân Thành	558.000			x	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	
4	GPMB+Xây dựng hoàn thiện các tuyến đường Khu dân cư và đất trụ Sở ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh	1,90	ODT +CLN và các loại đất khác	Tân Bình			x		Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của HĐND thành phố	
5	Khu đất phường Tiến Thành (Lô số 9 Nông trường Tân Thành)	4,16	CLN và các loại đất khác	Tiến Thành					Thông báo Kết luận số 378/TB-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh	Thu hồi đất do Tổng công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bàn giao về Đồng Xoài

HỒ SƠ DỰ ÁN

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
6	Khu đất tại phường Tân Đồng (giáp trung tâm huấn luyện Công an tỉnh)	0,21	CLN và các loại đất khác	Tân Đồng					Thông báo Kết luận số 378/TB-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh	Thu hồi đất do Tổng công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bàn giao về Đồng Xoài
7	Khu đất tại phường Tiến Thành (giáp công ty Đại Bình)	1,00	CLN và các loại đất khác	Tiến Thành					Thông báo Kết luận số 378/TB-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh	Thu hồi đất do Tổng công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bàn giao về Đồng Xoài
8	Khu đất tại xã Tiến Hưng (Cạnh Nhà văn hóa ấp 4)	0,08	CLN và các loại đất khác	Tiến Hưng					Thông báo Kết luận số 378/TB-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh	Thu hồi đất do Tổng công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bàn giao về Đồng Xoài
9	Khu đất tại xã Tiến Hưng (Cạnh Nhà văn hóa ấp 6)	1,07	CLN và các loại đất khác	Tiến Hưng					Thông báo Kết luận số 378/TB-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh	Thu hồi đất do Tổng công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bàn giao về Đồng Xoài

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Khu đất tại xã Tân Thành (Sân bóng đá Nông trường Tân Thành)	1,57	CLN và các loại đất khác	Tân Thành					Thông báo Kết luận số 378/TB-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh	Thu hồi đất do Tổng công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bàn giao về Đồng Xoài
11	Khu đất tại xã Tân Thành (Lô số 41 Nông trường Tân Thành)	7,64	CLN và các loại đất khác	Tân Thành					Thông báo Kết luận số 378/TB-UBND ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh	Thu hồi đất do Tổng công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bàn giao về Đồng Xoài
12	Đường dây 110kV Đồng Xoài - Phú Giáo	0,42	CLN và các loại Đất khác	Tân Xuân Tân Thiện				x	Công văn số 1201/PCBP-QLĐT ngày 14/5/2021 của Công ty Điện lực Bình Phước; Công văn số 183/UBND-TH ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh	
K	Thị xã Bình Long	542,58								
I	Các danh mục chuyển tiếp	224,50								
1	KDC đường ĐT 752	15,80	CLN	An Lộc	2.370			x	Nghị quyết 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
2	Đường dây 110 kV trạm 220 kV Bình Long 2 – Bình Long	2,66	CLN	Thanh Lương, Thanh Phú	732		x		Nghị quyết 13/2018/NQ - HĐND ngày 14/12/2018	
3	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ QL 13 đến giáp ranh xã Tân Lợi, Hớn Quản)	9,60	CLN	Phú Thịnh, Thanh Phú	20.000	x			Nghị quyết 27/2019/NQ - HĐND ngày 16/12/2019	
4	Dự án xây dựng mương thoát nước ngoài KCN Việt Kiều	0,65	CLN	Hưng Chiến	1.100	x			Nghị quyết 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
5	Dự án xây dựng cầu vượt tuyến băng tải Xi măng Bình Phước	0,73	ONT, CLN, HNK	Thanh Lương	3.000			x	Nghị quyết 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
6	XD đường Nguyễn Văn Trỗi kết nối huyện Hớn Quản (đoạn từ ngã ba đường Đoàn Thị Điểm đến ranh huyện Hớn)	11,18	CLN	Hưng Chiến	5.590	x			Nghị quyết 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh	
7	KDC đường vành đai Hồ Sa Cát	0,50	CLN	Hưng Chiến	1.000		x		Nghị quyết 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
8	Dự án nạo vét kênh và cống thoát nước trên địa bàn phường An Lộc và phường Hưng Chiến	4,50	CLN	Hưng Chiến An Lộc	5.000		x		Nghị quyết 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
9	Xây dựng ĐT 752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	7,30	CLN	Hưng Chiến	20.000	x			Nghị quyết 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Nạo vét khơi thông dòng chảy suối tổ 9, 10 khu phố Xa Cam 2, phường Hưng Chiến	1,30	CLN	Hưng Chiến	650		x		Nghị quyết 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
11	Xây dựng nâng cấp đường Hai Bà Trưng nối dài	2,00	CLN	Phú Thịnh	800		x		Nghị quyết 13/2018/NQ - HĐND ngày 14/12/2018	
12	Trạm biến áp đường dây 220kv điện mặt trời Lộc Ninh - Bình Long 2	3,28	CLN	Thanh Lương	900			x	Nghị quyết 13/2018/NQ - HĐND ngày 14/12/2018	
13	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ thị xã Bình Long đến ngã ba Chiu Riu, huyện Lộc Ninh, theo hình thức BOT	0,50	ONT, CLN, HNK	Thanh Lương	7.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
14	Dự án vùng đệm Nhà máy xi măng Bình Phước (Điều chỉnh hướng tuyến khu cầu vượt Băng tải Công ty Xi măng Hà Tiên	1,00	CLN	Thanh Lương	2.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
15	Trụ sở khu phố Phú Hòa I	0,03	CLN	Phú Đức	30		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
16	Xây dựng đài tưởng niệm xã Thanh Phú	0,40	CLN	Thanh Phú	2.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
17	Khu dân cư Thanh Bình	27,07	CLN	Hưng Chiến	4.060	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
18	Lò mổ thị xã Bình Long	2,00	CLN	An Lộc	200		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
19	Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú	3,00	CLN	Thanh Phú	1.300	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
20	Bãi xử lý rác thải	10,00	DRA	Hưng Chiến	1.500	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
21	KDC Hưng Phú	11,00	CLN	Hưng Chiến	16.500			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
22	KDC cụm Nông nghiệp Thanh Phú II	6,00	CLN	Thanh Phú	900			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
23	Trụ sở làm việc và KDC cán bộ CNV	5,40	TSC+ODT	Hưng Chiến	2.700		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
24	XD đường liên Hưng Chiến đi Thanh Lương	22,68	CLN	Hưng Chiến	11.340			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
25	XD cụm công nghiệp Hưng Chiến 2	75,00	CLN	Hưng Chiến	11.250	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	
26	XD nhà văn hóa đa năng (Đất do Ban QL khu kinh tế)	0,92	DSH	Thanh Phú	460		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ - HĐND ngày 02/7/2021	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
II	Các danh mục đăng ký mới	318,08								
1	XD nhà làm việc khu phố Đông Phát	0,03	CLN	Hung Chiến	45		x		Nghị quyết 83/NQ - HĐND ngày 05/7/2021 của HĐND thị xã	
2	XD mương thoát nước phía Tây đường ALT3, mương tổ 4 Kp. Phú An, phường An Lộc	0,09	CLN	An Lộc	450		x		Nghị quyết 83/NQ - HĐND ngày 05/7/2021 của HĐND thị xã	
3	XD đường bê tông từ ấp Thanh Kiều đi tổ 5, ấp Thanh Bình, thị xã Bình Long	0,23	CLN	Thanh Lương	200		x		Quyết định 1183/QĐ - UBND ngày 30/5/2019 của UBND thị xã	
4	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	15,00	CLN	An Lộc, Hung Chiến	2.250	x			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
5	Xây dựng Trường tiểu học Thanh Bình	1,53	CLN	Hung Chiến	482		x		Công văn 2283/UBND - KT ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Bình Phước	
6	Khu dân cư phía Đông thị xã Bình Long (KDC hai bên đường Trần Hưng Đạo)	5,51	CLN	Phú Thịnh, Phú Đức	2.484	x			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
7	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn (2000m)	1,20	CLN	Thanh Phú	264		x		Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Nâng cấp, mở rộng đường TPT31 (từ quốc lộ 13 đi ấp Vườn Rau)	1,85	CLN	Thanh Phú	185		x		Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	
9	Nâng cấp, mở rộng đường TPT30 (từ quốc lộ 13 đến địa giới phường An Lộc)	2,50	CLN	Thanh Phú	250		x		Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	
10	Dự án vùng đệm Nhà máy xi măng Bình Phước (Giải quyết tồn đọng Giải phóng mặt bằng)	2,14	CLN	Thanh Lương	600			x	Công văn 189/QLDA - THDA ngày 08/7/2016 của Ban quản lý Xi măng Hà Tiên 1	
11	Cụm công nghiệp Thanh Phú	75,00	CLN	Thanh Phú	5.500	x			QĐ 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
12	Trung tâm hành chính thị xã Bình Long	42,70	CLN	Hưng Chiến	16.215		x		Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND thị xã	
13	Khu đô thị mới Nam An Lộc	94,36	CLN	Hưng Chiến Phú Đức	33.911	x			Quyết định 3138/QĐ - UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh	
14	XD đường PĐT9 (đoạn từ ngã ba Sóc Phú Bồn đến giáp TĐT12)	1,00	CLN	Phú Đức	1.000		x		Nghị quyết 83/NQ - HĐND ngày 05/7/2021 của HĐND thị xã	
15	XD mương thoát nước tổ 1,2,3 Kp. Phú Hòa, phường Phú Đức	0,50	CLN	Phú Đức	250		x		Quyết định 1584/QĐ - UBND ngày 9/6/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
16	XD đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	9,42	CLN	Phú Đức	25.000	x			Nghị quyết 11/NQ - HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh	
17	XD đường Đoàn Thị Điểm kết nối Trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	6,00	CLN	Hung Chiến	200.000	x			Nghị quyết 11/NQ - HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	
18	Nạo vét kênh hậu lòng Hồ Sa Cát	6,00	CLN	Hung Chiến	10.000		x		Nghị quyết 83/NQ - HĐND ngày 05/7/2021 của HĐND thị xã	
19	Láng nhựa đường Trần Quang Khải nối dài	0,22	CLN	Hung Chiến	2.000		x		Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	
20	Đường Tổ 3, ấp Bình Ninh 1, phường Hưng Chiến	2,70	CLN	Hung Chiến	6.000		x		Quyết định chủ trương đầu tư 132/QĐ - UBND ngày 22/10/2020	
21	XD đường HCT3 giáp ranh huyện Hớn Quản	5,72	CLN	Hung Chiến			x		Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	
22	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Long	43,80	CLN	Hung Chiến	6.570			x	Quyết định số 1325/QĐ - UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh	
23	Đường tổ 9, Kp. Phú Xuân, phường Phú Thịnh	0,50	CLN	Phú Thịnh	500			x	Công văn số 2064/UBND - SX ngày 25/10/2021 của UBND thị xã	
24	Đường giao thông thuộc Tổ 3, 4 Xa Cam 2, phường Hưng Chiến	0,08	CLN	Hung Chiến	80		x		Công văn số 2065/UBND - SX ngày 25/10/2021 của UBND thị xã	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
L	Huyện Bù Gia Mập	1.064,14								
I	Các danh mục chuyển tiếp	286,84								
1	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật (vùng lõi)	13,60	CLN	Phú Nghĩa	4.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ - HĐND ngày 10/12/2020	
2	Xây dựng đường vành đai TTHC huyện	8,50	CLN	Phú Nghĩa	8.500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
3	Xây dựng các tuyến đường TTHC huyện	10,70	CLN	Phú Nghĩa	7.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
4	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	18,40	CLN	Phú Nghĩa	11.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 02/7/2021	
5	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC	107,00	LUK; CLN	Phú Nghĩa	50.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
6	Mở rộng lòng hồ thủy điện Đăk U	5,98	CLN	Phú Nghĩa	6.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Xây dựng trường Tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	1,50	CLN	Phú Nghĩa	1.500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
8	Khu dân cư và khu phức hợp thương mại dịch vụ	9,52	CLN	Phú Nghĩa	5.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
9	Khu dân cư 4 TTHC huyện	11,96	CLN	Phú Nghĩa	5.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
10	Khu dân cư cao su Phước Long	6,17	CLN	Phú Nghĩa	3.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
11	Xây dựng Đồn biên phòng Đăk Ô (783) - BCH Bộ đội Biên phòng	10,19	RSX	Đăk Ô	3.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
12	Đường giao thông: Nối tiếp tuyến ĐÔ-05 từ ngã ba thôn 10 đi đội 3 thôn 10 dài 1,0km	2,20	CLN	Đăk Ô	1.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
13	Đường giao thông: Nối tiếp tuyến ĐÔ-16 từ đội 2 thôn 9 đến tiếp giáp tuyến từ Đăk Lim đi Bù Bưng dài 2,2km	2,20	CLN	Đăk Ô	1.500			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
14	Đường giao thông: Nối tiếp tuyến ĐÔ-15 từ quốc lộ 14C vào cầu khỉ thôn Bù Xia dài 1,5km	1,50	CLN	Đăk Ô	1.500			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
15	Đường giao thông nối liền từ trường THCS Đắk Ô về thôn 4 xã Đắk Ô	1,00	CLN	Đắk Ô	1.000		200	800	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
16	Trường mầm non Ánh Dương	0,90	TMD	Đắk Ô	400		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
17	Điểm trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh thôn Bù Bung	0,50	CLN	Đắk Ô	700		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
18	Điểm trường Tiểu học Trương Định thôn 4	0,60	CLN	Đắk Ô	600		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
19	Điểm dân cư biên giới xã Đắk Ô	10,00	RSX	Đắk Ô	2.000			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
20	Bãi rác xã Phước Minh	3,00	CLN	Phước Minh	2.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
21	Xây dựng đường từ QL14C(741) đi thôn Bù Nga, xã Bù Gia Mập (ĐH,02 nâng cấp lên ĐT 760B)	3,00	CLN	Bù Gia Mập	1.500			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
22	Dự án thành phần 03; dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	0,12	CLN: 0,10; ONT: 0,02	Bù Gia Mập	120	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
23	Trường THPT Đắk Mai	4,50	CLN	Bù Gia Mập	2.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
24	Khu di tích văn hóa thác Đắk Mai I	2,35	CLN 0,64; RPH 0,58; RSX 0,12; SON 1,01	Bù Gia Mập	1.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
25	Khu dân cư, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đắk Á, xã Bù Gia Mập	9,50	CLN	Bù Gia Mập	2.500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
26	Xây dựng điểm trường thôn son trung xã Đức Hạnh	2,00	CLN	Đức Hạnh	2.000		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
27	Chợ Phú Văn	2,50	CLN	Phú Văn	2.500			x	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
28	Bãi rác xã Phú Văn	5,00	CLN	Phú Văn	3.500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
29	Nghĩa địa xã Phú Văn	5,00	RSX; CLN	Phú Văn	3.500		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
30	Bãi rác xã Bình Thắng	1,30	CLN	Bình Thắng	1.300		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
31	Xây dựng hội trường thôn 7, xã Bình Thắng	0,10	CLN	Bình Thắng	100		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
32	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi xã Bình Thắng ra ĐT.760 nối dài.	3,00	CLN	Bình Thắng	2.000		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 02/7/2021	
33	Bãi rác tập trung xã Đa Kia	2,00	CLN	Đa Kia	1.400		x		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 10/12/2020;	
34	Xây dựng cầu dân sinh	1,10	CLN; ONT	Văn, Đăk O, Bìn	1.500		x		Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
35	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C, tỉnh Bình Phước	19,95	CLN 18,0; ONT 1,95	Đức Hạnh; Phú Nghĩa	5.000	x			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
II	Các danh mục đăng ký mới	777,30								
1	Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 2	49,30	CLN	Phú Nghĩa	49.000		x		Quyết định số 420/2019/QĐ-UBND ngày 02/3/2018	
2	Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 3	44,30	CLN	Phú Nghĩa	44.000		x		Quyết định số 420/2019/QĐ-UBND ngày 02/3/2018	
3	Xây dựng đường vành đai TTHC huyện	8,50	CLN	Phú Nghĩa	8.500		x		Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Đường DHA.S2	2,00	CLN	Đức Hạnh	2.000		400	1.600	Công văn số 943/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
5	Đường DHA.S19	1,50	CLN	Đức Hạnh	1.500		300	1.200	Công văn số 943/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
6	Đường DHA.S20	1,00	CLN	Đức Hạnh	1.000		200	800	Công văn số 943/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
7	Xây dựng đường GTNT thôn 19/5 (tuyến 1)	1,00	CLN	Đức Hạnh	1.000			x	Công văn số 943/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
8	Xây dựng đường GTNT thôn 19/5 (tuyến 2)	1,00	CLN	Đức Hạnh	1.000			x	Công văn số 943/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
9	Xây dựng đường GTNT thôn Sơn Trung đi Bù K'Roai	1,50	CLN	Đức Hạnh	500		x		Công văn số 943/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
10	Đường điện trung và hạ thế Diêm dân cư liền kề Đồn Biên phòng Đắk Ô	3,90	CLN	Đắk Ô	2.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
11	Xây dựng đường giao thông và công trình thủy lợi thôn Bù Bung và Bù	4,00	CLN	Đăk Ô	4.000		400	3.600	Thông báo số 453/TB-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh	
12	Xây dựng đường giao thông thôn Đắk Lim (Tuyến 1)	0,10	CLN	Đắk Ô	200			x	Công văn số 945/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
13	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT tuyến từ QL14C đến đồn biên phòng 785 cũ	1,38	CLN	Đắk Ô	1.100		100	1.000	Công văn số 945/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
14	Đường giao thông: từ khu định cư đến khu sản xuất thôn 10 (TK 42)	0,39	CLN	Đắk Ô	440		40	400	Công văn số 945/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập	
15	Đường giao thông: nối từ trung tâm cụm xã đến đường GTNT thôn Đắk Lim đi thôn 7	0,25	CLN	Đắk Ô	220		20	200	Công văn số 945/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
16	Đường giao thông: Đường thôn 7 đi thôn Đắk Lim	0,50	CLN	Đắk Ô	550		50	500	Công văn số 945/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
17	Nâng cấp tuyến đường ĐH16 từ ĐT.760 đi Long Điền	4,00	CLN	Đa Kia	4.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 02/7/2021	
18	Đường láng nhựa GTNT thôn 4 (Tuyến 1)	0,30	CLN	Đa Kia	300		x		Nghị quyết số 43/NQ-HĐND của HĐND huyện	
19	Xây dựng đường giao thông liên kết vùng sản xuất cây trồng xã Đa Kia	5,00	CLN	Đa Kia	5.000			x	Thông báo số 453/TB-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh	
20	Xây dựng đường giao thông thôn Bình Thủy (Tuyến 2)	0,35	CLN	Đa Kia	350			x	Công văn số 949/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập	
21	Nhà văn hóa thôn 2	0,58	CLN	Đa Kia	550		50	500	Công văn số 949/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
22	Xây dựng tuyến đường thôn 4 - thôn Bình Thủy-Đt 760	2,00	CLN	Đa Kia	2.200		200	2.000	Công văn số 949/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập	
23	Thu hồi đất trạm y tế Nông trường 2 cũ	0,32	DYT	Đa Kia	500		x		Công văn số 883/CSPR-KTNN ngày 24/9/2021 của Công ty Cao su Phú Riềng	
24	Đường láng nhựa GTNT thôn 3 (Tuyến 1)	0,30	CLN	Đa Kia	300		x		Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND huyện	
25	Nâng cấp đường cấp phối sỏi đỏ từ Lạc Hồng đi suối Thom (BT24) dài 4,5 km	3,00	CLN	Bình Thắng	3.000	x			Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước ngày 02/7/2021	
26	Đường giao thông liên huyện	5,00	CLN	Bình Thắng	5.000			x	KH trung hạn 2016-2020 Tỉnh (TPCP)	
27	Xây dựng đường giao thông liên kết vùng sản xuất Điều xã Bình Thắng	10,00	CLN	Bình Thắng	10.000			x	Thông báo số 453/TB-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Bình Phước	
28	Trường mẫu giáo Bình Thắng (điểm chính)	0,40	DGD	Bình Thắng	440		40	400	Công văn số 948/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập	
29	Xây dựng đường thôn Bình Lợi (tuyến 1)	1,00	CLN	Phước Minh	1.100		100	1.000	Công văn số 950/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
30	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính xã	2,90	CLN	Phước Minh	3.300		300	3.000	Công văn số 950/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
31	Công trình láng nhựa đường GTNT Bù Tam – Bình Giai (từ thửa 58 tờ BĐ số 5 đến thửa 304 tờ BĐ số 20)	1,00	CLN	Phước Minh	1.100		100	1.000	Công văn số 950/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
32	Công trình Láng nhựa đường giao thông đội 1 thôn Bình Giai (PM14)	0,32	CLN	Phước Minh	330		30	300	Công văn số 950/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
33	Công trình thu hồi đất để làm đường vào bãi rác	0,30	CLN	Phước Minh	300		x		Công văn số 950/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
34	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Bình Lợi	0,05	CLN	Phước Minh	50		x		Công văn số 950/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
35	Xây dựng đường thôn Bình Tiến 1 (tuyến 1)	0,50	CLN	Phước Minh	500		100	500	Công văn số 950/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
36	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	6,70	CLN	Phú Nghĩa	6.700	x			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh	
37	Khu dân cư A6,A7,A8,A9 (gần khu VH TT)	5,51	CLN	Phú Nghĩa	2.000		x		Công văn số 760/UBND-SX ngày 26/8/2021 của UBND huyện	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
38	Khu đất cao su của Cơ sở cai nghiện Phú Đức còn lại	5,00	CLN	Phú Nghĩa	1.000		x		Công văn số 760/UBND-SX ngày 26/8/2021 của UBND huyện	
39	Khu đất cao su Bình Phước tiếp 19/5 (bên phải)	10,00	CLN	Phú Nghĩa	3.000			x	Công văn số 760/UBND-SX ngày 26/8/2021 của UBND huyện	
40	Khu dân cư A34,A35,F38,F39,F41	14,00	CLN	Phú Nghĩa	7.000			x	Công văn số 760/UBND-SX ngày 26/8/2021 của UBND huyện	
41	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	19,20	ONT; CLN; DGT; DTL	Phú Nghĩa	3.000	x			Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
42	Xây dựng đường đi vào cánh đồng thôn Khắc Khoan	0,50	CLN	Phú Nghĩa	550		50	500	Công văn số 946/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
43	Đường KDC 6-1 (thôn Tân Lập)	0,50	CLN	Phú Nghĩa	550		50	500	Công văn số 946/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện	
44	Xây dựng đường GTNT thôn Bù Cà Mau (tuyến 1)	0,30	CLN	Phú Nghĩa	300			x	Công văn số 946/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập	
45	Xây dựng đường giao thông liên kết vùng sản xuất cây trồng xã Phú Văn	6,00	CLN	Phú Văn	6.000		x		Thông báo số 453/TB-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
46	Nhà văn hóa thôn 3	0,15	CLN	Phú Văn	220		20	200	Công văn số 944/UBND-SX ngày 14/10/2021 của UBND huyện Bù Gia Mập	
47	Xây dựng tuyến đường liên xã Đa Kia - Bình Thắng	5,00	CLN	Đa Kia; Bình Thắng	5.000		x		Công văn số 883/CSPR-KTNN ngày 24/9/2021 của Công ty Cao su Phú Riềng	
48	Xây dựng lộ ra trạm 110KV Bù Gia Mập	1,50	CLN	Phú Nghĩa; Đức Hạnh	1.500			x	Quyết định số 1483/QĐ-PCBP ngày 19/7/2021 của Công ty Điện lực tỉnh	
49	Xây dựng đường từ ĐT.760 kết nối đường ĐH 09 xã Đức Hạnh	5,00	CLN	Đức Hạnh, Phú Nghĩa	5.000			x	Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện	
50	Dự án xây dựng QL 14C kết nối Đăk Nông với Bình Phước qua Tây Ninh, Long An	40,00	CLN:38,3; ONT:1,70	Phước Minh, Đa Kia, Bình Thắng	40.000			x	Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	
51	Hồ chứa nước thôn 6 Khắc Khoan thuộc dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cào biên giới tỉnh Bình Phước (Ngập phát sinh).	5,00	CLN; SON	Phú Văn; Phú Nghĩa	2.000			x	Quyết định số 4427/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 của Bộ NN&PTNT	
52	Sửa chữa, nạo vét lòng suối cầu Đăk O, xã Bù Gia Mập và xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập	1,00	CLN	Đăk O; Bù Gia Mập	1.000		200	800	Thông báo số 453/TB-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại Đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
53	Thu hồi 494 ha để cấp đất sản xuất cho các hộ dân thiếu đất sản xuất	494,00	RSX 160 ha; CLN 334	Đăk Ô; Bù Gia Mập	49.400	x			Thông báo số 441/TB-VPCP ngày 24/12/2019 của Văn phòng Chính phủ	
Tổng		19.487,93								

Ghi chú (*):

CLN Đất trồng cây lâu năm

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

ONT Đất ở tại nông thôn

ODT Đất ở tại đô thị

TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan

TIN: Đất cơ sở tín ngưỡng

DGD Đất cơ sở giáo dục đào tạo

DGT Đất giao thông

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

SON Đất sông suối và MNCD

SKC Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

MN Đất mặt nước chuyên dùng

TMD: Đất thương mại, dịch vụ.

DTT: Đất thuê dục, thể thao.

DYT: Đất y tế.

HNK: Đất trồng cây hành năm

TSN: Đất tổ chức sự nghiệp công

DTL: Đất thủy lợi.

LUA, LUC, LUK: Đất lúa.

DNL: Đất công trình năng lượng.

CAN: Đất an ninh.

CQP: Đất quốc phòng.

RPH: Đất rừng phòng hộ.

PNK: Đất phi nông nghiệp khác.

NTD: Đất nghĩa trang nghĩa địa.

GDC: Đất hộ gia đình, cá nhân trong

DDT: Đất có di tích lịch sử văn hóa.

DSH: Đất sinh hoạt cộng đồng.

DRA: Đất bãi thải, xử lý chất thải.



Phụ lục 02: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM CHƯA THỰC HIỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Hạng mục	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi	Địa điểm (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách Huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW,...)		
I	Huyện Hớn Quản	6,17								
1	Đường điện Phước An - Tân Quan	2,17	CLN	Phước An, Tân Quan	1.736,00		1.736,00		BLQDA tỉnh đăng ký	
2	Bãi rác Tân Hưng	2,00	CLN	Tân Hưng	1.600,00		1.600,00		BLQDA tỉnh đăng ký	
3	Nghĩa trang Tân Lợi	2,00	CLN	Tân Lợi	1.600,00		1.600,00		BLQDA tỉnh đăng ký	
II	Huyện Phú Riềng	0,2								
1	TTVH-TDĐT xã Long Bình	0,2	CLN	Long Bình						Đất công ty cao su Phú Riềng
III	Huyện Lộc Ninh	53,03								
1	Hồ chứa nước	10,00	CLN	Thị trấn Lộc Ninh	50.000,0	50.000,0			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
2	Trạm bơm áp Việt Quang	0,01	CLN	Xã Lộc Quang	2,0		2,0		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	
3	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Bù Kal	9,80	CLN, ONT	Xã Lộc Hòa, xã Lộc An	8.199,0			8.199,0	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	

4	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Suối Nuy	9,00	CLN, ONT	xã Lộc Hòa	7.530,0			7.530,0	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2023	
5	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Lộc Quang	4,50	CLN, ONT	xã Lộc Quang	3.765,0			3.765,0	Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	
6	Mở rộng tiểu học Lộc Tấn B	1,00	CLN	Xã Lộc Tấn	230,0		230,0		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	
7	Trường MG Họa Mi	1,00	CLN	Xã Lộc Thái	230,0		230,0		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2026	
8	Trường MG ấp 9 Lộc Điền + nhà VH ấp 9	1,22	CLN	Xã Lộc Điền	306,0		306,0		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2027	
9	Khu văn hóa thể thao	1,00	CLN	Xã Lộc Tấn	230,0		230,0		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2028	
10	Nhà Văn hoá ấp 8	0,30	CLN	Xã Lộc Hòa	69,0		69,0		Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2029	
11	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thịnh	3,20	RSX	Xã Lộc Thịnh	576,0	576,0			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2030	

12	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Thành	4,00	RSX	Xã Lộc Thành	720,0	720,0			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2031	
13	Chốt dân quân biên giới xã Lộc Hòa	8,00	RSX	Xã Lộc Hòa	1.440,0	1.440,0			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2032	
IV	Huyện Bù Đốp	840,26								
1	Trường bắn BCHBĐ Biên Phòng	30,00	RSX	Phước Thiện					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
2	Trường THCS Phước Thiện	1,50	CLN	Phước Thiện					Nghị quyết số: 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
3	Dự án thành phần GPMB, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP)	0,16	CLN	Thiện Hưng					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
4	Nhà văn hoá xã Hưng Phước	0,59	LUK	Hưng Phước					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
5	Đập thủy lợi (ấp 4+5)	20,00	LUK	Thanh Hòa					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
6	Dự án cấp nước sạch	0,04	CLN	Tân Tiến					Nghị quyết số: 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	

7	Kênh thủy lợi nội đồng	3,20	LUK; CLN	Tân Tiến					Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014	
8	Sân vận động xã Phước Thiện	2,00	CLN	Phước Thiện					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
9	Sân vận động xã Thiện Hưng	3,00	CLN	Thiện Hưng					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
10	Khu thể thao ấp Tân Hòa	0,05	CLN	Tân Tiến					Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014	
11	Khu thể thao ấp Tân Bình	0,05	CLN	Tân Tiến					Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014	
12	Nghĩa địa Hưng Phước	5,00	CLN	Hưng Phước					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
13	Khu Thương mại – DV- Công Nghiệp cửa khẩu Hoàng Diệu	472,72	CLN, RPH, RSX	Hưng Phước, Phước Thiện					Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017	
14	Khu Thương mại – DV- Công Nghiệp cửa khẩu Tân Thành	295,95	CLN, RPH	Tân Thành					Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh	
15	Chốt dân quân huyện Bù Đốp	6,00	RSX	Phước Thiện					Nghị quyết 149/NQ-CP ngày 13/12/2018	
V	Huyện Bù Gia Mập	32,82								

1	Mở rộng công an huyện	0,700	CLN	Phú Nghĩa					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
2	Trạm xăng dầu Tuấn Huyền	0,100	CLN	Phú Nghĩa					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
3	Trung tâm TDTT xã Phú Văn	1,000	CLN	Phú Văn					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
4	Mở rộng chợ Phú Văn	1,130	CLN	Phú Văn					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
5	Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	20,000	RSX	Phú Nghĩa					Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	
6	Nhà làm việc Tổ 2 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,108	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
7	Nhà làm việc Tổ 1 - NT 5 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,066	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	

8	Nhà làm việc Tổ 2 - NT 5 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,182	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
9	Nhà làm việc Tổ 1 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,096	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
10	Nhà làm việc Tổ 2 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,123	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của C.TY TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
11	Nhà làm việc Tổ 3 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,164	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của C.TY TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
12	Nhà làm việc Tổ 4 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,113	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
13	Nhà làm việc Tổ 5 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,142	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
14	Nhà làm việc Tổ 6 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,095	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	

15	Nhà làm việc Tổ 8 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,13	CLN	Đa Kia					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
16	Cụm nghĩa trang công nhân NT 1-1	2,00	CLN	Đa Kia					Công văn số 983/CSPR-KTNN ngày 17/12/2019 của Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng	
17	Nhà làm việc Tổ 1 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,119	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
18	Nhà làm việc Tổ 3 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,104	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
19	Nhà làm việc Tổ 4 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,180	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
20	Nhà làm việc Tổ 5 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,144	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
21	Nhà làm việc Tổ 6 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,169	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	

22	Nhà làm việc Tổ 7 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,134	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
23	Nhà làm việc Tổ 8 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,070	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
24	Nhà làm việc Tổ 9 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,092	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
25	Nhà làm việc Tổ 10 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,122	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
26	Nhà làm việc Tổ 11 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,331	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
27	Nhà làm việc Tổ 12 - NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,146	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
28	Nhà làm việc NT 1 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	1,015	CLN	Bình Thắng					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	

29	Cụm nghĩa trang công nhân NT 1-2	1,50	CLN	Bình Thắng					Công văn số 983/CSPR-KTNN ngày 17/12/2019 của Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng	
30	Cụm nghĩa trang công nhân NT 2-1	1,50	CLN	Phước Minh					Công văn số 983/CSPR-KTNN ngày 17/12/2019 của Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng	
31	Cây xăng Bảo Vy	0,040	CLN	Phước Minh					QĐCTĐT số 793/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của UBND tỉnh	
32	Cửa hàng xăng dầu Lộc Phát 68	0,100	CLN	Phước Minh					QĐCT số 909/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh	
33	Nhà làm việc Tổ 7 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,185	CLN	Phước Minh					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
34	Nhà làm việc Tổ 9 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,123	CLN	Phước Minh					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
35	Nhà làm việc Tổ 10 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,162	CLN	Phước Minh					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	

36	Nhà làm việc Tổ 11 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,155	CLN	Phước Mình					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
37	Nhà làm việc Tổ 12 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,134	CLN	Phước Mình					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
38	Nhà làm việc Tổ 13 - NT 2 - Cty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	0,152	CLN	Phước Mình					Công văn số 895/CSPR-KTNN ngày 22/11/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	
Tổng		932,49								